MỤC LỤC

[PHẦN MỞ ĐẦU 1](#_Toc147086115)

[I. ĐẶT VẤN ĐỀ 1](#_Toc147086116)

[II. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT THỰC HIỆN GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 2](#_Toc147086117)

[1. Căn cứ Luật 2](#_Toc147086118)

[2. Căn cứ Nghị định 3](#_Toc147086119)

[3. Căn cứ Thông tư 3](#_Toc147086120)

[4. Các văn bản của địa phương 4](#_Toc147086121)

[5. Quy chuẩn, tiêu chuẩn 4](#_Toc147086123)

[III. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN 5](#_Toc147086124)

[THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ 7](#_Toc147086125)

[1. TÊN CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ: HỘ KINH DOANH NGUYỄN KHẮC DƯƠNG 7](#_Toc147086126)

[2. TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ: TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THỊT THEO MÔ HÌNH TRẠI LẠNH KHÉP KÍN 7](#_Toc147086127)

[2.1. Địa điểm thực hiện dự án và mối tương quan của dự án 7](#_Toc147086128)

[2.1.1. Địa điểm thực hiện dự án 7](#_Toc147086129)

[2.1.2. Mối tương quan của dự án đối với các đối tượng tự nhiên 7](#_Toc147086130)

[2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư 8](#_Toc147086131)

[2.4. Quy mô của dự án đầu tư 8](#_Toc147086132)

[3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ 9](#_Toc147086133)

[3.1. Công suất của dự án đầu tư 9](#_Toc147086134)

[3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư 9](#_Toc147086135)

[3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư: 12](#_Toc147086136)

[4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ 12](#_Toc147086137)

[4.1. Nguyên vật liệu phục vụ của dự án đầu tư 12](#_Toc147086138)

[4.2. Nhu cầu sử dụng điện 15](#_Toc147086139)

[4.3. Nhu cầu sử dụng nước 15](#_Toc147086140)

[5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ 16](#_Toc147086141)

[5.1. Danh mục thiết bị máy móc đầu tư tại dự án 16](#_Toc147086142)

[5.2. Các hạng mục công trình phục vụ dự án 17](#_Toc147086143)

[5.2.1. Các hạng mục công trình chính 18](#_Toc147086144)

[5.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án 18](#_Toc147086145)

[5.2.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường 18](#_Toc147086146)

[CHƯƠNG II 20](#_Toc147086147)

[SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, 20](#_Toc147086148)

[KHẢNĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 20](#_Toc147086149)

[1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG 20](#_Toc147086150)

[2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 20](#_Toc147086151)

[2.1. Đối với môi trường nước 20](#_Toc147086152)

[2.2. Đối với môi trường không khí 21](#_Toc147086153)

[2.3. Đối với chất thải rắn và chất thải nguy hại 22](#_Toc147086154)

[CHƯƠNG III 23](#_Toc147086155)

[KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP 23](#_Toc147086156)

[BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ 23](#_Toc147086157)

[1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI 23](#_Toc147086158)

[2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ trại nuôi 27](#_Toc147086159)

[2.2. Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác 29](#_Toc147086160)

[3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG 31](#_Toc147086161)

[4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI 33](#_Toc147086162)

[5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG 35](#_Toc147086163)

[6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ KHI DỰ ÁN ĐI VÀO VẬN HÀNH. 36](#_Toc147086164)

[6.1. Phòng chống sự cố hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải 36](#_Toc147086165)

[6.2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ 36](#_Toc147086166)

[6.3. Phòng ngừa dịch bệnh 37](#_Toc147086167)

[*6.3.1. Yêu cầu về sát trùng* 37](#_Toc147086168)

[*6.3.2. Vệ sinh phòng bệnh* 37](#_Toc147086169)

[*6.3.3. Vệ sinh nguồn nước* 37](#_Toc147086170)

[*6.3.4. Vệ sinh thức ăn* 37](#_Toc147086171)

[*6.3.5. Vệ sinh nhân lực* 38](#_Toc147086172)

[*6.3.6. Vệ sinh dụng cụ, trang bị* 38](#_Toc147086173)

[*6.3.7. Phát hiện bệnh sớm* 38](#_Toc147086174)

[*6.3.8. Điều trị bệnh sớm* 38](#_Toc147086175)

[*6.3.9. Ứng phó dịch bệnh và khắc phục sự cố, rủi ro* 38](#_Toc147086176)

[7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC: 39](#_Toc147086177)

[8. BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NGUỒN NƯỚC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHI CÓ HOẠT ĐỘNG XẢ NƯỚC THẢI VÀO CÔNG TRÌNH THỦY LỢI 39](#_Toc147086178)

[9. KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ, KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC 39](#_Toc147086179)

[10. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG 39](#_Toc147086180)

[CHƯƠNG IV 40](#_Toc147086181)

[NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG 40](#_Toc147086182)

[1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI 40](#_Toc147086183)

[2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI 41](#_Toc147086184)

[3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG 44](#_Toc147086185)

[4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG VÀ CHẤT THẢI RẮN NGUY HẠI 45](#_Toc147086186)

[4.1. Khối lượng chất thải rắn phát sinh 45](#_Toc147086187)

[4.2. Lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại 46](#_Toc147086188)

[4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt 46](#_Toc147086189)

[4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường (không nguy hại) 46](#_Toc147086190)

[4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại 47](#_Toc147086191)

[CHƯƠNG V 49](#_Toc147086192)

[KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN 49](#_Toc147086193)

[1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ 49](#_Toc147086194)

[2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT 49](#_Toc147086195)

[2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ 49](#_Toc147086196)

[2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải 50](#_Toc147086197)

[2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án 50](#_Toc147086198)

[3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM 50](#_Toc147086199)

[CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ 52](#_Toc147086200)

[PHỤ LỤC 54](#_Toc147086201)

MỤC LỤC BẢNG VÀ HÌNH

Bảng 1: Hệ tọa tộ VN 2000 ranh giới dự án 7

Bảng 2: Khối lượng thức ăn cho gà trong các giai đoạn phát triển 12

Bảng 3: Nhu cầu sử dụng thuốc thú y, vắc xin 13

Bảng 4: Định mức về nhu cầu sử dụng thuốc thú y 13

Bảng 5: Định mức về nhu cầu sử dụng vitamin cho gà 14

Bảng 6: Danh mục máy móc thiết bị tại dự án 16

Bảng 7: Các hạng mục công trình 17

Bảng 8: Các hạng mục công trình hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 25

Bảng 9: Các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi 27

Bảng 10: Khối lượng chất thải chăn nuôi theo từng giai đoạn tại trang trại trong giai đoạn vận hành 32

Bảng 11: Danh mục và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại trang trại 33

Bảng 12: Nội dung thay đổi so với Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt 39

Bảng 13: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của nước thải sinh hoạt 41

Bảng 14: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của nước thải chăn nuôi 41

Bảng 15: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của khí thải theo QCVN 05:2023/BTNMT 43

Bảng 16: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của khí thải theo QCVN 19:2009/BTNMT 43

Bảng 17: Giá trị giới hạn đối với độ ồn 44

Bảng 18: Giá trị giới hạn đối với độ rung 45

Bảng 19: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh 45

Bảng 20: Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh 45

Bảng 21: Danh mục và khối lượng chất thải nguy hai phát sinh tại trang trại 46

Bảng 22: Chương trình quan trắc môi trường định kỳ 50

Bảng 23: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của dự án 51

Hình 1: Sơ đồ quy trình chăn nuôi gà thịt 9

Hình 2: Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa 23

Hình 3: Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn 24

Hình 4: Quy trình hệ thống xử lý nước thải 26

Hình 5: Sơ đồ xử lý khí thải và mùi hôi trại nuôi 28

Hình 6: Hình ảnh minh họa hệ thống phun sương kết hợp lưới len 28

# PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Dự án Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín do ông Nguyễn Khắc Dương làm chủ dự án được UBND tỉnh Tây Ninh chấp nhận chủ trương đầu tư tại Công văn số 2910/UBND-KTTC ngày 02/12/2013 và được điều chỉnh tại Công văn số 789/UBND-KTTC ngày 10/4/2014.

Ngày 25/7/2014, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín do ông Nguyễn Khắc Dương làm chủ dự án tại Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày, với quy mô, diện tích như sau:

- Công suất 80.000 con gà thịt/lứa (5 lứa/năm).

- Diện tích đất sử dụng: 26.702 m2

- Vốn đầu tư: 4.401.600.000 đồng.

Chủ dự án lập báo cáo đề xuất cấp GPMT của trại chăn nuôi gà, trong đó đề xuất xây dựng các công trình bảo vệ môi trường có thay đổi, bổ sung so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

- Phương án xử lý nước thải: nước thải sinh hoạt sau xử lý tại bể tự hoại 3 ngăn chảy qua mương sinh học; nước thải chăn nuôi được thu gom, xử lý bằng bể lắng lọc 3 ngăn rồi chảy qua mương sinh học.

- Phương án thu gom xử lý khí thải sau quạt hút mỗi chuồng nuôi.

- Phương án đối với chất thải rắn và chất thải nguy hại: thiết kế xây dựng kho chứa chất thải nguy hại và hố hủy xác gà chết không do dịch bệnh.

Các căn cứ lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường:

- Căn cứ Phụ lục I Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công, Quy mô dự án đầu tư thuộc nhóm C (dưới 45 tỷ đồng) theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Căn cứ mục II số thứ tự 5.2.1 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. Theo đó, dự án chăn nuôi gà công nghiệp hướng thịt với quy mô 80.000 con/lứa (05 lứa/năm), tương đương 400 đơn vị vật nuôi ((80.000 con x 2,5 kg)/500).

- Căn cứ số thứ tự 16, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, dự án “Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín” của Hộ chăn nuôi Nguyễn Khắc Dương với quy mô 80.000 con/lứa (05 lứa/năm), tương đương 400 đơn vị vật nuôi thuộc loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình (cột 4, từ 100 – 1.000 đơn vị vật nuôi).

- Căn cứ Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, dự án được phân loại thuộc nhóm II dựa trên tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư theo quy định tại Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cụ thể: *“Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình (cột 4), Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (mục I.1)”.*

- Căn cứ khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định đối tượng phải có Giấy phép môi trường: *“Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II, nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải rả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức”.*

Trên cơ sở các quy định trên, Hộ chăn nuôi Nguyễn Khắc Dương tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho dự án “Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín”, quy mô 80.000 con/lứa (05 lứa/năm) tại ấp Phước Lễ, xã Phước Ninh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh theo mẫu Báo cáo đề xuất tại Phụ lục VIII ban hành Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ trình cấp có thẩm quyền thẩm định, cấp phép theo quy định.

II. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT THỰC HIỆN GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### 1. Căn cứ Luật

- Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29/6/2001 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2001.

- Luật Điện lực số 28/2004/QH11 được Quốc hội nước Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 10, thông qua ngày 03/12/2004.

- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29/6/2006 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2006.

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21/11/2007.

- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 21/6/2012.

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 29/11/2013.

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18/6/2014.

- Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 15/6/2015.

- Luật Thú y số 97/2015/QH13 ngày 19/6/2015 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 19/6/2015.

- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 19/11/2018.

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020.

- Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020.

### 2. Căn cứ Nghị định

- Nghị định số 14/2014/NĐ – CP ngày 26/02/2014 của Chỉnh phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Nghị định số 113/2017/NĐ – CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y.

- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Nghị định số 45/2022/NĐ – CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

### 3. Căn cứ Thông tư

- Thông tư số 32/2017/TT – BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ – CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất.

- Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

- Thông tư số 01/2021/TT – BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thị hành Luật Đất đai.

- Thông tư số 10/2021/TT – BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

- Thông tư số 17/2021/TT – BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

- Thông tư số 02/2022/TT – BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

### 4. Các văn bản của địa phương

- Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030. Trong đó, UBND tỉnh quy định mật độ chăn nuôi của huyện Dương Minh Châu là: 1,5 ĐVN/01ha đất nông nghiệp đến năm 2030.

- Kế hoạch số 3625/KH-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về thực hiện chiến lược phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2045.

- Kế hoạch số 2826/KH-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh về phát triển chuỗi giá trị chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022 – 2025.

### 5. Quy chuẩn, tiêu chuẩn

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

- QCVN 01-41:2011/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu vệ sinh khi tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật.

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- QCVN 01-15:2010/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học.

- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

- QCVN 07 – 2:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình thoát nước.

- QCVN 07 – 5:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình cấp điện.

- QCVN 62-MT/2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

- QCVN 02:2019/BTYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- QCVN 03:2019/BTYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- QCVN 18:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng.

III. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN

- Công văn số 2910/UBND-KTTC ngày 02/12/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc chủ trương đầu tư Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín của ông Nguyễn Khắc Dương.

- Công văn số 789/UBND-KTTC ngày 10/4/2014 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc điều chỉnh số thửa đất thực hiện dự án Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín.

- Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường số 15/GXNĐK-UBND ngày 15/6/2010 của UBND huyện Dương Minh Châu cho Dự án Chăn nuôi gà mô hình trại lạnh khép kín (số lượng 9.500 con/lứa).

- Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 25/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư mở rộng, nâng công suất Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín do ông Nguyễn Khắc Dương làm chủ dự án.

- Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Điều chỉnh nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt tại Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 25/7/2014.

- Sổ đăng ký Chủ nguồn thải chất thải nguy hại, Mã số QLCTNH: 72000308.T (cấp lần đầu) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 01/02/2013.

- Hợp đồng kinh tế số 2012-1/2022/HĐXLCT-TT.AD về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

- Giấy chứng nhận Đủ điều kiện chăn nuôi số 72/29/2022/ĐKCN do Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tây Ninh cấp ngày 30/11/2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hộ kinh doanh cá thể số 45D800011124 do UBND huyện Dương Minh Châu cấp ngày 04/10/2010.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Khắc Dương.

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. TÊN CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ: HỘ KINH DOANH NGUYỄN KHẮC DƯƠNG

- Địa chỉ văn phòng (địa chỉ liên hệ): ấp Phước Lễ, xã Phước Ninh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Ông Nguyễn Khắc Dương.

- Điện thoại: 0394 699 554

## 2. TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ: TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THỊT THEO MÔ HÌNH TRẠI LẠNH KHÉP KÍN

2.1. Địa điểm thực hiện dự án và mối tương quan của dự án

2.1.1. Địa điểm thực hiện dự án

Dự án Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín của ông Nguyễn Khắc Dương được xây dựng trên thửa đất số 2022 tờ bản đồ số 6 thuộc ấp Phước Lễ, xã Phước Ninh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, với tổng diện tích 26.702 m2.

Vị trí khu đất thực hiện dự án có tọa độ móc ranh giới như sau:

*Bảng 1: Hệ tọa tộ VN 2000 ranh giới dự án*

|  |  |
| --- | --- |
| STT | Tọa độ |
| X | Y |
| 1 | 1251 583 | 584 661 |
| 2 | 1251 699 | 584 581 |
| 3 | 1251 580 | 584 446 |
| 4 | 1251 463 | 584 526 |

Khu đất dự án có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông: giáp kênh tiêu TN03 và đất ông Nguyễn Ngọc Loan.

- Phía Tây: giáp đất ông Trần Quốc Lựu.

- Phía Nam: giáp đất ông Mai Văn Cu.

- Phía Bắc: giáp đất Nguyễn Văn Thái.

2.1.2. Mối tương quan của dự án đối với các đối tượng tự nhiên

- Dự án “Dự án Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín” của Hộ kinh doanh Nguyễn Khắc Dương có tuyến đường giao thông nông thôn đi qua, do đó rất thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa và đi lại của nhân dân trong vùng. Có hệ thống lưới điện quốc gia đi qua thuận lợi cho việc sử dụng điện cho sản xuất và sinh hoạt của dự án.

- Dự án nằm cách đường liên xã khoảng 600m, cách hồ Dầu Tiếng 4 km theo hướng Đông Bắc. Trong vòng bán kính 500 m không có dân cư sinh sống và không có quy hoạch khu dân cư, xung quanh dự án chủ yếu là đất trồng mì, mía.

- Xung quanh dự án không có vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển; nhà thờ, đền, chùa; các khu nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí; các khu di tích lịch sử, văn hóa, di sản văn hóa đã xếp hạng.

- Với khoảng cách và vị trị này của dự án phù hợp với Đề án tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Tây Ninh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 và QCVN 01-15:2010/BNNPTNT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học được ban hành kèm theo Thông tư số [04/2010/TT-BNNPTNT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/thong-tu-04-2010-tt-bnnptnt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-100318.aspx) ngày 15/01/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc tế về điều kiện chăn nuôi lợn, trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học, Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi.

### 2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định về phân cấp quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh thì Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường là UBND tỉnh Tây Ninh.

2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 25/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư mở rộng, nâng công suất Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín do ông Nguyễn Khắc Dương làm chủ dự án.

- Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Điều chỉnh nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt tại Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 25/7/2014.

### 2.4. Quy mô của dự án đầu tư

Dự án có tổng vốn đầu tư: 4.401.600.000 đồng.

Căn cứ Phụ lục I Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công, Quy mô dự án đầu tư thuộc nhóm C (dưới 45 tỷ đồng) theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

### 3.1. Công suất của dự án đầu tư

Quy mô, công suất dự án: 80.000 con gà thịt/lứa (05 lứa/năm).

Thời gian giãn cách giữa 02 đợt nuôi (từ lứa nuôi trước đến lứa nuôi sau) là khoảng 60 – 70 ngày bao gồm:

- Thời gian nuôi, chăm sóc (từ lứa nuôi trước đến lứa nuôi sau) khoảng: 45 ngày.

- Vệ sinh trại và khử trùng các loại mầm bệnh để chuẩn bị cho đợt nuôi tiếp theo khoảng 15-25 ngày.

Loại hình hoạt động: chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín.

Tổng diện tích chuồng nuôi: 5.760 m2, bao gồm 04 dãy chuồng nuôi, diện tích mỗi dãy chuồng 1.440 m2 có sức chứa 20.000 con/chuồng, như vậy mật độ chăn nuôi khoảng 13 - 14 con/m2.

### 3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

Công nghệ sản xuất, vận hành của dự án bao gồm các hoạt động chính trong quá trình chăn nuôi gà được trình bày cụ thể trong hình sau:

Gà con một ngày tuổi

Kiểm dịch, chọn gà

Nhập trại

Chất thải rắn; dư lượng thuốc diệt khuẩn

- Thuốc sát trùng

- Chất độn trại (trấu)

- Thức ăn thừa

- Mùi hôi (NH3, H2S,...)

- Mùi thuốc sát trùng

- Bao bì thuốc thú y

- Tiếng ồn

- Gà chết

- Thức ăn, nước uống, sưởi ấm

- Thuốc thú y, vắc xin

- Thuốc sát trùng

Chăm sóc, nuôi dưỡng

Gà thịt

(từ 2,2 – 2,8kg/con)

Kiểm dịch

Xuất bán

Vệ sinh trại

- Nước

- Thuốc sát trùng

- Nước rửa trại sau khi xuất gà

- Phân lẫn thức ăn

Nhập trại lứa gà mới

*Hình 1: Sơ đồ quy trình chăn nuôi gà thịt*

\* *Thuyết minh công nghệ*: Nguyên liệu sử dụng cho hoạt động của trại là gà giống một ngày tuổi. Quy trình công nghệ chăn nuôi được trình bày như sau:

Rải trấu: Rải trấu lên toàn bộ nền trại dày 10 cm và được phun thuốc sát trùng, sau đó thả gà vào. Sau thời gian 7-10 ngày quan sát trên bề mặt trại khi nào thấy phân rải kín (nền trại dơ), ta cào sơ qua lớp mặt đệm lót (lưu ý: khi cào nên dồn gọn gà về từng phía một để tránh gậy xáo trộn đàn gà). Sau khi cào lớp mặt xong thì phun đều chế phẩm sinh học để giúp cho đệm lót được tơi xốp, phân hủy nhanh hơn.

Gà giống: Gà giống một ngày tuổi được kiểm dịch, lựa chọn trước khi được đưa về chăn nuôi. Việc chọn lựa gà con được tiến hành ngay trong ngày tuổi đầu tiên, do Công ty Cổ phần Emivest Feedmill Việt Nam cung cấp. Chọn gà con mới nở có trọng lượng trung bình 35-40g (bằng 65% trọng lượng trứng khi đưa vào máy ấp), nhanh nhẹn, mắt sáng, lông bông, bụng gọn.

Nhập trại:

- Gà con được chuyển từ máy ấp vào hộp giấy cứng có kích thước mỗi hộp là 40cmx60cmx18cm. Trong mỗi hộp chia làm 4 ngăn nhỏ, mỗi ngăn chứa 25 con gà.

- Trước khi nhập gà về, trại nuôi và các thiết bị sẽ được khử trùng kỹ trước khi nhập lứa mới vào nuôi. Gà sẽ được kiểm tra kỹ tình trạng sức khỏe đàn gà để khẳng định gà chuyển về đang khỏe mạnh.

- Gà sau khi được nhập về trang trại sẽ được nuôi trong điều kiện khép kín, đảm bảo nhiệt độ, nguồn nước và thức ăn. Đồng thời, trong mỗi dãy trại nuôi được trang bị các vách ngăn di động, các vách ngăn được điều chỉnh phù hợp với không gian cần thiết cho đàn gà theo từng giai đoạn. Sau đó, kéo rèm che kín trại, bật đèn sưởi ấm trong quay úm khoảng 2 giờ nếu thời tiết ngoài trời lạnh. Khi thả gà vào quay phải kiểm tra lại số lượng con sống và con chết. Loại bỏ những con chết và gà không đạt tiêu chuẩn ra khỏi trại.

- Cho gà nghỉ ngơi 10-20 phút rồi cho gà uống nước có pha 50g glucose với 1g vitamin C/3 lít nước để chống stress cho gà. Nước uống phải đảm bảo sạch và có độ ấm của nước từ 16-200C. Nước uống cho gà 3-4 ngày đầu sẽ pha thêm kháng sinh Tetracyclin với tỷ lệ 0,5g/l hoặc Colistin tỷ lệ 0,1g/l và vitamin C tỷ lệ 100-150mg/l.

Trong giai đoạn gà từ 1 ngày đến 14 ngày tuổi do hệ tiêu hóa và hô hấp chưa hoàn thiện, sức đề kháng kém, gà con dễ bị nhiễm bệnh. Để đàn gà sinh trưởng phát triển tốt có tỷ lệ sống cao cần thực hiện úm gà con. Kỹ thuật úm gà con như sau:

- Dùng chụp úm gà bằng điện để sưởi ấm cho gà, quay gà gần dưới chụp sưởi để giữ nhiệt và đảm bảo nhiệt độ (tuần đầu: 32 - 340C; tuần 2: 29 - 300C; tuần 3: 26 - 270C; tuần 4 22 - 250C). Đồng thời, quan sát phản ứng của gà đối với nhiệt độ điều chỉnh cho phù hợp. Nhiệt độ vừa phải: gà phân bố đều, đi lại, ăn uống bình thường. Nhiệt độ thấp: gà tập trung lại gần nguồn nhiệt, đứng co ro, run rẩy. Nhiệt độ cao: gà tản ra xa nguồn nhiệt, nằm há mỏ, thở mạnh, uống nhiều nước.

- Gà nhập về được thả trên nền bê tông có lớp trấu dày khoảng 10 cm. Sau 5 – 7 ngày với gà nuôi úm, 2 – 3 ngày với gà nuôi thịt, tiến hành cào đảo nhẹ lớp mặt đệm lót sâu 1-3cm. Trong quá trình cào trên bề mặt đệm lót không được cào sâu xuống sát nền trại. Gà giống sẽ được nhập về theo từng đợt cho mỗi trại, khoảng cách giữa các đợt nhập không quá một tuần.

Chăm sóc, nuôi dưỡng: Trong quá trình nuôi từ lúc mới thả gà đến lúc gà trưởng thành và xuất trại, nhân viên của Công ty Cổ phần Emivest Feedmill Việt Nam sẽ theo sát quá trình nuôi và có những hướng dẫn cụ thể cho chủ trang trại và những công nhân tham gia trực tiếp trong quá trình chăn nuôi. Mọi sự cố phát sinh sẽ do những nhân viên phụ trách này trực tiếp hướng dẫn khắc phục. Các bước chăm sóc, nuôi dưỡng được thực hiện như sau:

- Gà được nuôi theo quy trình kỹ thuật chăn nuôi trại lạnh khép kín với nhiệt độ trong nhà nuôi gà luôn được giữ ở mức từ 230C đến 300C, trung bình là khoảng 270C.

- Cung cấp thức ăn: Cám sẽ được phân phối đến các máng ăn. Khi nguồn thức ăn trong máng ăn bị giảm xuống thì tiếp tục thêm thức ăn vào. Lượng thức ăn cung cấp hàng ngày cho gà sẽ được tính toán sao cho vừa đủ nhu cầu của gà trong từng giai đoạn phát triển để tránh tình trạng thức ăn dư thừa rơi vải xuống sàn gây mùi hôi thối. Gà cần được ăn liên tục, suốt ngày đêm để nhanh xuất trại. Mỗi ngày đổ và đảo thức ăn kích thích gà ăn ít nhất 4 lần gồm buổi sáng, trưa, chiều và 10 giờ đêm để gà được ăn suốt đêm. Trong quá trình nuôi nên chú ý phát hiện sớm gà bị què, bệt chân, yếu để kịp thời tách ra nuôi riêng, chăm sóc tốt, để chúng lớn kịp theo đàn.

- Cung cấp nước uống: Nguồn nước cho gà uống cũng được cung cấp tự động, khi nguồn nước trong máng bị giảm xuống thì hệ thống sẽ tự động bơm thêm nước vào máng uống nhằm đảm bảo đủ nguồn nước uống cho gà. Các núm uống cảm ứng sẽ hạn chế được tình trạng nước đổ xuống sàn. Trong trường hợp cần cho gà uống vắc xin hoặc thuốc thú y thì sẽ được pha chung với nước.

- Sử dụng vắc xin cho gà: Loại và thời điểm sử dụng vắc xin được xem xét sao cho đảm bảo tuyệt đối an toàn cho đàn gà dựa trên lịch dùng chung và lịch điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện cụ thể của khu vực.

- Trong quá trình nuôi, nguồn phát sinh nhiệt thừa, mùi trong trại từ quá trình thông tản gió, ngoài ra lượng chất thải rắn từ bao bì đựng thực phẩm và cá thể gà không đạt yêu cầu phát sinh, do đó chủ trang trại sẽ thường xuyên phun thuốc khử trùng, khử mùi quanh các trại nuôi, các phương tiện ra vào khu vực nuôi cũng cần khử trùng khi ra vào khu vực nuôi. Riêng đối với công nhân trực tiếp nuôi khi vào trại phải mang giày và quần áo bảo hộ đúng quy định, tất cả phải được khử trùng khi vào trại nuôi.

Xuất trại: Gà được nuôi trong một lứa với khoảng thời gian 45 ngày đạt được trọng lượng 2,2 - 2,8kg thì sẽ xuất trại, mỗi năm trang trại nuôi 5 lứa gà thịt. Trước khi gà xuất trại được kiểm dịch, sau đó được đưa ra thị trường tiêu thụ.

Vệ sinh trang trại: Sau khi gà xuất trại, phân gà cùng trấu lót sẽ được xử lý các mầm bệnh bằng chế phẩm sinh học. Sau đó, được thu gom đóng bao loại 50kg và bán cho đơn vị có nhu cầu làm phân bón. Sau khi thu gom, phân gà còn sót trong trại nuôi sẽ được rửa sạch, mỗi lứa nuôi trang trại sẽ xuất gà trong 8 ngày (1 ngày xuất 1 trại), lượng nước vệ sinh của trại khoảng 1m2/trại/ngày (tương đương 4 m3/lứa nuôi). Do đó sau 01 dãy trại nuôi, chủ dự án sẽ xây dựng bể lắng lọc 3 ngăn để xử lý nước thải, nước thải sau đó sẽ dẫn vào mương sinh học để tiếp tục xử lý. Trại nuôi sẽ được dọn dẹp sạch sẽ, nền trại được phun khử trùng toàn bộ khu vực nuôi bằng dung dịch formal 2%. Sau đó, trại nuôi sẽ được để trống ít nhất 15 ngày để chờ nuôi đợt tiếp theo.

**3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:**

Xuất bán gà thịt, với quy mô của trang trại chăn nuôi 80.000 con/lứa, 05 lứa/năm. Bình quân mỗi năm cung cấp cho thị trường khoảng 400.000 con gà thịt.

4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

4.1. Nguyên vật liệu phục vụ của dự án đầu tư

*a) Nhu cầu về con giống*

Gà giống một ngày tuổi được kiểm dịch, lựa chọn trước khi được đưa về chăn nuôi. Việc chọn lựa gà con được tiến hành ngay trong ngày tuổi đầu tiên. Chọn gà con mới nở có trọng lượng trung bình 35-40g (bằng 65% trọng lượng trứng khi đưa vào máy ấp), nhanh nhẹn, mắt sáng, lông bông, bụng gọn

Nhu cầu về con giống là 80.000 con/lứa. Công ty Cổ phần Emivest Feedmill Việt Nam là đơn vị cung cấp hoàn toàn con giống đầu vào cho dự án.

*b) Nhu cầu về thức ăn*

Tất cả nguồn thức ăn tại trang trại được Công ty Cổ phần Emivest Feedmill Việt Nam cung cấp định kỳ 5 ngày/lần. Nhu cầu về thức ăn cung cấp cho gà thịt theo từng giai đoạn phát triển của gà như sau:

***Bảng 2: Khối lượng thức ăn cho gà trong các giai đoạn phát triển***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Giai đoạn** | **Trọng lượng gà dự kiến****(kg/con)** | **Lượng thức ăn cung cấp****(g/con/ngày)** | **Lượng thức ăn cung cấp trong 1 ngày (tấn/ngày)** | **Lượng thức ăn cung cấp trong 1 lứa nuôi (tấn/lứa)** |
| 1 | Khi nhập trại đến 14 ngày tuổi | 0,4 – 0,9 | 54 | 4,32 | 60,48 |
| 2 | Từ 15 ngày tuổi đến 30 ngày tuổi | 0,9 – 2 | 90 | 7,2 | 108 |
| 3 | Từ 31 ngày tuổi đến 45 ngày tuổi (xuất trại) | 2 – 2,8 | 115 | 9,2 | 138 |
|  | **Tổng cộng** |  |  | **20,72** | **306,48** |

Như vậy, khối lượng thức ăn được cung cấp trong một lứa nuôi vào khoảng **306,48** **tấn/lứa** nuôi (45 ngày).

*c)Nhu cầu về hóa chất, vắc xin, thuốc thú y, vitamin:*

- Nhu cầu vắc xin, thuốc thú y: Thuốc thú y, vắc xin trong chăn nuôi có một vai trò hết sức quan trọng để đảm bảo an toàn cho con giống. Toàn bộ lượng thú y, vắc xin, vitamin,…cho con giống được Công ty Cổ phần Emivest Feedmill Việt Namcung cấp. Định mức về nhu cầu sử dụng thuốc thú y tại trạng trại cụ thể như sau:

*Bảng 3: Nhu cầu sử dụng thuốc thú y, vắc xin*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thuốc | Định mức | Khối lượng |
| 1 | Newcastle | 1 liều/con | 80.000 liều |
| 2 | Gumboro | 1 liều/con | 80.000 liều |
| 3 | Cúm H5N1 | 1 liều/con | 80.000 liều |
| 4 | Tụ huyết trùng gà | 1 liều/con | 80.000 liều |
| 5 | Đậu gà | 1 liều/con | 80.000 liều |

Bảng 4: Định mức về nhu cầu sử dụng thuốc thú y

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày tuổi | Loại vắc xin | Cách sử dụng | Mục đích sử dụng |
| Ngày 1 - 2 | Newcastle chủng F (lần 1) | Nhỏ mắt, mũi hoặc phun | Phòng bệnh gà rù Newcastle |
| Ngày 3 | Gumboro (lần 1) | Cho uống từng con | Phòng bệnh truyền nhiễm Gumboro |
| Ngày 7 | Đậu gà | Chủng màng cánh | Phòng bệnh đậu gà |
| Ngày 10 | Gumboro (lần 2) | Cho uống trực tiếp hoặc pha vào nước uống | Phòng bệnh truyền nhiễm Gumboro |
| Ngày 15 | Cúm H5N1 | Tiêm | Phòng bệnh cúm gia cầm |
| Ngày 20 | Tụ huyết trùng | Tiêm | Phòng bệnh tụ huyết trùng |
| Ngày 25 | Gumboro (lần 3) | Pha nước uống | Phòng bệnh truyền nhiễm Gumboro |
| Ngày 28 | Newcastle chủng F (lần 2) | Nhỏ mắt, mũi hoặc phun | Phòng bệnh gà rù Newcastle |

- Nhu cầu bổ sung vitamin: Vitamin và khoáng chất vào nước uống, thức ăn để cung cấp các chất dinh dưỡng thiết yếu cho gà để giảm thiết bệnh tật và giúp đàn gà phát triển nhanh. Định mức sử dụng vitamin cụ thể trong bảng sau:

*Bảng 5: Định mức về nhu cầu sử dụng vitamin cho gà*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Vitamin | Đơn vị tính | Định mức |
| 1 | Vitamin A  | IU/kg | 7.000 – 10.000 |
| 2 | Vitamin D3 | IU/kg | 1.500 – 2.500 |
| 3 | Vitamin E | mg/kg | 20 - 30 |
| 4 | Vitamin K3 | mg/kg | 1 - 3 |
| 5 | Vitamin B1 | mg/kg | 1,0 – 2,5 |
| 6 | Vitamin B2 | mg/kg | 4 - 7 |
| 7 | Vitamin B6 | mg/kg | 2,5 – 5,0 |
| 8 | Vitamin B12 | mg/kg | 0,015 – 0,025 |
| 9 | Niacin | mg/kg | 25 - 40 |
| 10 | Pantothenic acid | mg/kg | 9 - 11 |
| 11 | Folic acid | mg/kg | 0,8 – 1,2 |
| 12 | Biotin | mg/kg | 0,10 – 0,15 |
| 13 | Vitamin C | mg/kg | 100 - 150 |
| 14 | Choline | mg/kg | 200 – 400 |

- Nhu cầu về thuốc sát trùng:Thuốc sát trùng sử dụng do Công ty Cổ phần Emivest Feedmill Việt Nam cung cấp chủ yếu là Omicide và vôi bột. Thuốc sát trùng sau khi được cung cấp sẽ được pha loãng với nước và phun khử trùng thường xuyên tại khu vực cổng ra – vào của dự án, vệ sinh trại nuôi sau khi thu hoạch, phun xung quanh và bên trong trang trại để diệt khuẩn. Nhu cầu sử dụng thuốc sát trùng tại dự án ước tính như sau:

+ Omicide: 35 lít/lứa nuôi

+ Vôi bột: 42 bao/lứa nuôi

+ Formol 2%: 1.500 lít/lứa nuôi

+ Chế phẩm vi sinh khử mùi EM: 680 lít/lứa nuôi.

+ Men vi sinh: 70 kg/lứa nuôi.

*d) Nhu cầu về trấu và nhiên liệu phục vụ dự án*

- Nhu cầu sử dụng trấu tại trang trại: Tổng diện tích 04 dãy chuồng nuôi là 5.760 m2, lớp vỏ lót được thiết kế dày 10 cm (0,1m). Thể tích lớp trấu là 5.760 m2 x 0,1m = 576 m3; khối lượng riêng trung bình của trấu 130 kg/m3. Vậy nhu cầu trấu sử dụng cho trại chăn nuôi là: 130 kg/m3 x 576 m3 = 74.880 kg ~ 74,88 tấn trấu/lứa nuôi.

- Nhu cầu sử dụng gas: 12 bình gas loại lớn để úm gà cho mỗi lứa nuôi.

- Dầu DO sử dụng cho máy phát điện dự phòng, ước tính khoảng 100 lít/tháng.

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

Nhu cầu sử dụng điện tại dự án chủ yếu phục vụ cho các mục đích chiếu sáng trại nuôi, sinh hoạt, hoạt động bơm nước,…Tổng nhu cầu sử dụng điện khoảng 1.000KWh/ngày.

Nguồn cung cấp điện: Điện lưới quốc gia. Để đảm bảo nguồn điện cho trại nuôi, chủ dự án lắp đặt 02 máy phát điện dự phòng công suất 200 KVA để đề phòng khi mất điện.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

- Nhu cầu cấp nước cho sinh hoạt: Trại có tổng cộng 08 công nhân viên (căn cứ theo TCXDVN 33:2006 của Bộ Xây dựng năm 2006 về việc cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế, nước dùng sinh hoạt cho nhân viên tại trang trại là 100 lít/người/ngày): 08 người x 100 lít/người = 0,8 m3/ngày.đêm.

- Nhu cầu cấp nước phục vụ hoạt động chăn nuôi: Nước sử dụng chủ yếu cho cung cấp nước uống cho gà, nước rửa trại nuôi.

+ Lượng nước cung cấp cho gà uống: Căn cứ nhu cầu thực tế, lượng nước gà uống trung bình: 0,19 lít/con(0,19 lít/ngày.đêm x 80.000 con gà = 15,2 m3/ngày.đêm).

+ Lượng nước dùng rửa trại nuôi: Trong quá trình chăn nuôi, trung bình mỗi đợt sẽ xuất 1 dãy trại, thời gian dọn dẹp vệ sinh và giãn cách là 15 ngày (thời gian dọn dẹp là 4 – 5 ngày và thời gian để thoáng trại trước khi nhập lứa mới là 6 – 7 ngày tiếp theo). Quá trình vệ sinh trại nuôi chủ yếu là việc rửa trại, dọn phân trấu lót trại và công tác chuẩn bị trước khi thả lứa mới. Chủ dự án lắp đặt các vòi xịt rửa cao áp tại khu vực trại nuôi, lượng nước vệ sinh trại nuôi mỗi lứa xuất trại là 1 m3/dãy chuồng x 4 chuồng= 4,0 m3/lứa nuôi (tương 0,08m3/ngày.đêm).

+ Nước cấp hệ thống phun sương khử mùi sau quạt hút: 04 chuồng x 0,1m3/ngày.đêm = 0,4 m3/ngày.đêm.

+ Lượng nước dùng làm mát: Lượng nước này chiếm khoảng 04m3/ngày.đêm (tương đương 1,0 m3/ngày.đêm/dãy trại) với mục đích làm mát cho tất cả các trại. Lượng này được sử dụng tuần hoàn, không thải ra ngoài.

+ Lượng nước dùng trong khâu vệ sinh: chủ yếu phục vụ trong khâu vệ sinh khử trùng xe ra vào trại, quần áo, tay chân, giày dép hàng ngày: 1,0 m3/ngày.đêm

- Nước tưới cây xanh, đường nội bộ: 2,0 m3/ngày.

Như vậy, tổng nhu cầu dùng nước cho sinh hoạt và chăn nuôi của dự án là 27,4 m3/ngày.đêm.

- Nước dùng cho phòng cháy chữa cháy: Lượng nước dự trữ cấp cho một hoạt động chữa cháy được tính cho một đám cháy trong 02 giờ liên tục với lưu lượng 10 lít/giây/đám cháy.

Qcc = 10 lít/giây x 2 giờ x 3.600 giây/giờ = 72.000 lít ~ 72 m3.

- Nguồn cung cấp nước: Sử dụng nước từ 02 giếng khoan để cung cấp nước sinh hoạt và chăn nuôi của dự án.

## 5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

### 5.1. Danh mục thiết bị máy móc đầu tư tại dự án

###### Chủ dự án đầu tư một số máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động của dự án, như sau:

###### *Bảng 6: Danh mục máy móc thiết bị tại dự án*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên máy móc thiết bị | Số lượng | Đơn vị tính | Tình trạng | Xuất xứ |
| I | Hệ thống điều khiển nhiệt độ |
| 1 | Quạt hút công nghiệp | 40 | Cái  | Hoạt động tốt | Thái Lan |
| 2 | Hệ thống dàn lạnh-motor bơm nước công suất 1,5HP | 08 | Bộ | Hoạt động tốt | Thái Lan |
| 3 | Hệ thống cảm ứng nhiệt độ, độ ẩm bên trong và bên ngoài | 04 | Bộ | Hoạt động tốt | Thái Lan |
| 4 | Hệ thống sưởi nhiệt | 04 | Bộ | Hoạt động tốt | Thái Lan |
| 5 | Hệ thống điều khiển nhiệt độ kết nối với điều khiển tự động | 04 | Bộ | Hoạt động tốt | Thái Lan |
| II | Hệ thống máng ăn |
| 1 | Đường dẫn thức ăn, máng ăn, hộp đựng cám | 04 | Bộ | Hoạt động tốt | Việt Nam |
| III | **Hệ thống nước uống tự động** |
| 1 | Đường dẫn nước, núm uống | 20 | Bộ | Hoạt động tốt | Việt Nam |
| 2 | Bộ phận điều chỉnh áp lực nước | 04 | Bộ | Hoạt động tốt | Việt Nam |
| 3 | Bộ phận đo khối lượng nước sử dụng | 04 | Bộ | Hoạt động tốt | Việt Nam |
| 4 | Bộ phận pha thuốc | 04 | Bộ | Hoạt động tốt | Đài Loan |
| 5 | Hệ thống điều khiển nối với bộ điều khiển tự động | 04 | Bộ | Hoạt động tốt | Thái Lan |
| IV | **Máy móc, thiết bị khác** |
| 1 | Máy bơm nước  | 02 | Cái | Hoạt động tốt | Việt Nam |
| 2 | Máy phát điện công suất 200 KVA | 02 | Cái  | Hoạt động tốt | Nhật |

### 5.2. Các hạng mục công trình phục vụ dự án

Tổng diện tích khu đất là 26.702m2, các hạng mục công trình được bố trí như sau:

###### *Bảng 7: Các hạng mục công trình*

| STT | Hạng mục công trình | Số lượng | Kích thước (m) | Diện tích (m2) | Tỷ lệ (%) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| I | Các hạng mục chính |
| 1 | Dãy chuồng nuôi  | 04 | 12 x 120 | 5.760 | 21,6 |
| 2 | Kho cám  | 04 | 12 x 6 | 288 | 1,08 |
| II | Các hạng mục phụ trợ |
| 1 | Nhà sát trùng | 01 | 4 x 10 | 40 | 0,15 |
| 2 | Nhà ở công nhân+văn phòng | 01 | 4 x 20 | 80 | 0,30 |
| 3 | Nhà đặt máy phát điện | 01 | 4 x 6 | 24 | 0,09 |
| 4 | Kho vật tư | 01 | 4 x 5 | 20 | 0,07 |
| III | Các hạng mục bảo vệ môi trường |
| 1 | Bể lắng lọc (cấu tạo 3 ngăn) xử lý nước thải chăn nuôi | 2 | 1 x 3 | 6 | 0,02 |
| 2 | Mương sinh học xử lý nước thải chăn nuôi | 2 | 2 x 2 | 8 | 0,03 |
| 3 | Bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt | 1 | 3 x 2 | 6 | 0,025 |
| 4 | Mương sinh học xử lý nước thải sinh hoạt | 1 | 1 x 3 | 3 | 0,013 |
| 5 | Hố hủy xác gà chết | 1 | 2 x 3 | 6 | 0,025 |
| 6 | Khu đất dự phòng xử lý chôn lấp gà chết do dịch bệnh | 1 | 20 x 30 | 600 | 2,25 |
| 7 | Kho chứa chất thải nguy hại | 1 | 2 x 3 | 6 | 0,025 |
| 8 | Buồng xử lý khí thải chuồng  | 4 | 5 x 12 | 240 | 0,9 |
| 9 | Ao chứa nước mưa  | 2 | 5 x 10 | 100 | 0,37 |
| IV | Thảm xanh | -- | -- | 5.340 | 20 |
| V | Đường nội bộ, sân bãi | -- | -- | 18.981 | 71,08 |
|  | Tổng |  |  | 26.702 | 100 |

5.2.1. Các hạng mục công trình chính

- Dãy chuồng nuôi gà và kho cám:

+ Tổng diện tích chuồng nuôi: 5.760 m2, bao gồm 04 dãy chuồng nuôi, diện tích mỗi dãy chuồng 1.440 m2 có sức chứa 20.000 con/chuồng, như vậy mật độ chăn nuôi khoảng 13 - 14 con/m2. Khoảng cách giữa 02 chuồng là 14,0m.

+ Đầu mỗi dãy chuồng là 01 kho cám, với diện tích là 72m2. Bên trong, mỗi chuồng bố trí 01 hệ thống máng ăn tự động, 01 máng uống tự động. Mặt bên bố trí 01 hệ thống làm mát. Chiều cao đến đỉnh mái là 5,0m. Mái lợp tole, hệ kèo là khung sắt, tường xây gạch bao che dày 20cm. Nền trại bê tông có độ dốc 3%, rãnh thoát nước tạo độ dốc 2%. Cuối mỗi dãy chuồng bố trí 10 quạt hút, tổng cộng 40 quạt hút mùi cho 04 dãy chuồng.

5.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án

- Nhà sát trùng: diện tích 40m2, thực hiện công tác sát trùng xe và người ra vào trại chăn nuôi với kết cấu nền bê tông cốt thép, cột kèo thép, tường gạch, quét vôi bên ngoài, mái tôn.

- Nhà ở công nhân + Văn phòng: diện tích 100m2, nền lát gạch chống trơn, cột kèo thép, tường gạch, tường trong và ngoài sơn nước, mái tôn.

- Nhà máy phát điện dự phòng: diện tích 24m2 nền lát gạch, cột kèo thép, tường gạch, mái tôn.

- Kho vật tư: diện tích 20 m2, nền lát gạch, tường gạch, kết cấu khung thép, mái lợp tôn, chứa hóa chất chủ yếu là thuốc sát trùng Omicide và vôi bột từ quá trình hoạt động.

- Khu cấp nước: Nước được sử dụng cấp cho dự án được lấy từ 02 giếng khoan. Nước từ giếng khoan được đưa lên bồn chứa 1.000 lít, sau đó dẫn về các thiết bị sử dụng nước cho chăn nuôi và sinh hoạt.

5.2.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

- Kho chứa chất thải nguy hại: diện tích 6 m2, nền lát gạch, tường gạch, kết cấu khung thép, mái lợp tôn chứa chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động.

- Hố hủy xác gà chết không do dịch bệnh: số lượng 01 hố, diện tích 6m2 xây dựng tường gạch đáy hố bê tông, có nắp đan đậy kín được đặt cách xa khu nhà ở công nhân, phía cuối trại.

- Công trình xử lý nước thải chăn nuôi: diện tích 14 m2 (bao gồm 02 bể lắng lọc và 02 mương sinh học), được xây dựng dạng hầm chìm, vật liệu xây dựng tường gạch đáy bê tông, xử lý lượng nước thải phát sinh tại trang trại.

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: diện tích 9 m2 (bao gồm 01 bể tự hoại và 01 mương sinh học), được xây dựng dạng hầm chìm, vật liệu xây dựng tường gạch đáy bê tông, xử lý lượng nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.

- Buồng xử lý khí thải: diện tích là 240m2 (bao gồm 04 buồng), cấu tạo của buồng thu gom khí thải, mùi hôi được thiết kế khung sắt, các vách được phủ bằng lưới len bao quanh. Phía trên buồng được thiết kế hệ thống phun sương.

- Ao chứa nước mưa: 02 ao diện tích 100 m2, thu gom nước mưa toàn bộ trang trại.

- Khu vực đất dự phòng chôn gà chết do dịch bệnh: diện tích đất dự phòng khoảng 600 m2 được bố trí phòng ngừa trường hợp dịch bệnh lây lan, tiêu hủy gà tại trang trại.

# CHƯƠNG II

# SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH,

# KHẢNĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Điều 22, 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ Điều 10 Thông tu số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Hiện nay, tỉnh Tây Ninh chưa có quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh cũng như thực hiện phân vùng môi trường.

Vị trí thực hiện dự án Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín tại ấp Phước Lễ, xã Phước Ninh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 25/7/2014 và điều chỉnh tại Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 03/7/2018. Dự án có vị trí không thuộc vào vùng bảo vệ nghiêm ngặt cũng như hạn chế phát thải.

Trong quá trình thực hiện dự án, chủ đầu tư sẽ đầu tư công nghệ xử lý chất thải phù hợp, đảm bảo chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường

Từ các nội dung trên, Chủ dự án nhận thấy vị trí hoạt động của dự án phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Đồng thời, đảm bảo đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường của huyện Dương Minh Châu nói riêng và tỉnh Tây Ninh nói chung.

Như vậy, Dự án Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín là phù hợp với định hướng phát triển chung của tỉnh Tây Ninh nói chung và của dự án nói riêng, góp phần tăng trưởng kinh tế cho địa phương, ổn định cuộc sống cho người dân xung quanh dự án. Và dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

**2.1. Đối với môi trường nước**

 Nước thải sinh hoạt: Nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án chủ yếu của công nhân làm việc tại trang trại với lưu lượng khoảng 0,8 m3/ngày.đêm, sẽ được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải sau đó được đưa về mương sinh học, để tiếp tục xử lý; phía dưới trong mương sinh học sẽ đặt các lớp vật liệu lắng lọc như cát, sỏi, than để xử lý nước thải đảm bảo đạt cột A, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT. Nước trong mương sinh học sẽ tự bốc hơi, không xả thải ra ngoài môi trường.

Nước thải chăn nuôi: có lưu lượng cao nhất là 2 m3/ngày.đêm, chỉ phát sinh vào cuối mỗi đợt nuôi. Gồm các nguồn nước thải sau:

+ Nước thải vệ sinh chuồng nuôi: Trang trại áp dụng mô hình chăn nuôi sử dụng đệm lót sinh học; trên nền đệm lót sinh học lượng phân thải ra được vi sinh phân hủy hết. Do đó sau mỗi lứa xuất gà chủ dự án sẽ tiến hành cho công nhân thu gom lớp đệm lót lẫn phân và vệ sinh ngay chuồng trại, do đó tổng lưu lượng nước thải phát sinh lớn nhất trong một ngày khoảng: 1 m3/ngày.đêm (do xuất gà từng chuồng, 01 ngày xuất 01 chuồng theo dạng cuốn chiếu nên vệ sinh chuồng trại cũng theo dạng cuốn chiếu).

+ Nước thải vệ sinh dụng cụ chăn nuôi, với lưu lượng 1 m3/ngày.

- Chủ dự án đầu tư xây dựng cuối 04 dãy trại là 02 hệ thống bể lắng lọc 3 ngăn để xử lý nước thải. Nước thải sau đó được đưa về mương sinh học tiếp tục xử lý; phía dưới trong mương sinh học sẽ đặt các lớp vật liệu lắng lọc như cát, sỏi, than để xử lý nước thải đảm bảo đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi-QCVN 62-MT:2016/BTNMT. Nước thải được lưu chứa trong mương sinh học sẽ tự bốc hơi, không xả thải ra môi trường bên ngoài.

Như vậy, với quy mô hoạt động của trang trại theo mô hình trại lạnh khép kín thì lượng nước thải chăn nuôi phát sinh rất ít, chỉ phát sinh từ quá trình vệ sinh chuồng trại vào cuối mỗi đợt nuôi và không thải ra sông suối xung quanh dự án nên không ảnh hưởng đến khả năng chịu tải của môi trường nước xung quanh dự án.

**2.2. Đối với môi trường không khí**

Với đặc thù của dự án là chăn nuôi gà nên trong quá trình chăn nuôi sẽ phát sinh khí thải và mùi hôi, khí thải phát sinh trong khu vực trại nuôi gà chủ yếu là các khí thải gây mùi hôi như H­­2S, NH3 và các chất gây mùi hôi thối như mercaptan,...từ quá trình phân giải các chất như protein, lipit,... trong chất thải chăn nuôi bởi các vi sinh vật kỵ khí. Mùi hôi phát sinh từ hệ thống quạt hút trao đổi không khí phía trong và bên ngoài các dãy trại nuôi nhằm thông thoáng môi trường không khí phía trong trại nuôi gà. Quá trình hút, trao đổi không khí sẽ hút thải không khí ô nhiễm (mùi hôi) phía trong trại nuôi ra bên ngoài. Mùi hôi có thể theo gió phân tán gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí tại khu vực và khu vực phía bên ngoài dự án.

Chủ dự án áp dụng chăn nuôi theo phương pháp trại lạnh khép kín nên hạn chế được sự phát tán mùi phát sinh trong quá trình chăn nuôi và được sự hướng dẫn của đơn vị cung cấp con giống ngay từ giai đoạn thiết kế, xây dựng. Chủ dự án bố trí các quạt hút và hệ thống làm mát trong mỗi dãy trại nuôi nhằm thông thoáng cho trại nuôi và trang trại. Phía sau mỗi dãy trại sẽ được lắp đặt hệ thống quạt hút. Mùi hôi và khí thải sẽ được thu gom ra ngoài bằng các quạt hút theo hướng cuối mỗi dãy trại nuôi, chủ dự án bố trí 4 buồng thu gom khí thải, mùi hôi phía sau quạt hút và xử lý đạt quy chuẩn theo quy định.

Vị trí dự án đảm bảo khoảng cách an toàn về chăn nuôi, xung quanh trại nuôi được bao phủ bởi cây xanh của trang trại. Vì vậy khí thải phát sinh trong quá trình chăn nuôi đảm bảo đủ khả năng chịu tải của môi trường không khí xung quanh trại.

### 2.3. Đối với chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt: chủ yếu là cơm thừa, rau, củ, quả bị hư hỏng,…Được thu gom cho vào các thùng chứa thích hợp. Các thùng chứa được bố trí tại khu vực xung quanh và trong trại. Chủ dự án sẽ thực hiện chôn lấp hợp vệ sinh môi trường, khi khu vực dự án có đơn vị thu gom rác sẽ tiến hành ký hợp đồng thu gom theo đúng quy định.

- Chất thải rắn thông thường (không nguy hại) :

+ Bao bì, vỏ chai, thùng carton được thu gom và và bán lại cho đơn vị thu mua có nhu cầu.

+ Chất thải chăn nuôi (phân và trấu): được ủ tại chuồng nuôi và bán lại cho các đơn vị thu mua có nhu cầu.

+ Gà chết không do dịch bệnh được thu gom và chôn lấp hợp vệ sinh. Hố chôn lấp có diện tích 6 m2, được thiết kế 3m x 2m x 1,2m (7,2m3).

- Chất thải nguy hại: chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, chai lọ chứa chất nguy hai,…Được thu gom và lưu chứa tại kho chứa chất nguy hại diện tích 6m2. Khu vực lưu trữ, tập kết chất thải rắn nguy hại sẽ được bố trí tuân thủ theo quy định và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

- Bố trí khu đất dự trữ với diện tích 600 m2 để xử lý gà chết do dịch bệnh trong trường hợp xảy ra sự cố dịch bệnh.

Kết luận: Từ các phân tích từ nguồn chất thải nêu trên, cho thấy Trang trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình lạnh khép kín, quy mô 80.000 con gà thịt/lứa (5 lứa/năm) phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường nơi thực hiện dự án.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

**1.1. Thu gom, thoát nước mưa**

Về cơ bản thì nước mưa không phải là nguồn gây ô nhiễm môi trường, nhưng nếu các nguồn gây ô nhiễm phát sinh trong giai đoạn này không được khống chế theo quy định, khi nước mưa rơi xuống khu đất dự án sẽ cuốn theo các chất ô nhiễm ra môi trường nước xung quanh khu vực, có thể gây ngập úng cục bộ và gây ô nhiễm môi trường nước.

Chủ dự án xây dựng hệ thống thu gom nước mưa tách riêng nước thải, hệ thống rãnh thoát nước mưa dọc theo hai bên trại nuôi. Hệ thống thu gom nước mưa tại dự án được bố trí như sau:

- Thu gom, thoát nước mưa từ mái chuồng: Nước mưa theo độ dốc mái 🡪 mương hở bê tông rộng 30cm, sâu 20 cm, dài dọc theo hai bên trại nuôi, 01 trại gồm 02 mương hở 02 bên 🡪 chảy về 02 ao thu nước mưa có diện tích 100m2.

- Thu gom, thoát nước mưa bề mặt: nước mưa chảy tràn trên bề mặt trong khuôn viên dự án được thu gom về mương hở tại các dãy trại nuôi và xung quanh dự án, sau đó tự chảy theo độ dốc dẫn về ao thu nước mưa.

Rác và bùn cát đất lắng được nạo vét thường xuyên.

Ngoài ra, để phòng ngừa ngập úng, chủ dự án tiến hành trồng cây xanh xung quanh khu đất dự án, giúp cho việc thấm nước mưa được nhanh chóng.

Hệ thống thu gom

Nước mưa từ trên

mái nhà, trại nuôi

Nước mưa bề mặt từ đường nội bộ, sân bãi

Mương hở bê tông

02 bên mái nhà

Theo độ dốc bề mặt chảy vào mương hở bao quanh

Ao thu

nước mưa

***Hình 2: Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa***

**1.2. Thu gom, thoát nước thải:**

*- Đối với nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom bằng ống PVC ∅ 114mm dài 6m về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý. Nước thải sau bể tự hoại 3 ngăn được cho chảy qua mương sinh học để tiếp tục xử lý. Nước sau xử lý được lưu chứa tại mương sinh học, không thải ra ngoài môi trường.

*- Đối với nước thải chăn nuôi:* Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh chuồng trại, vệ sinh dụng cụ chăn nuôi sau mỗi lứa nuôi được thu gom bằng 2 rãnh bê tông dọc 2 bên vách phía trong chuồng nuôi, được thoát ra ngoài theo đường ống PVC ∅ 60mm dẫn ra 2 mương hở bê tông dọc 2 bên ngoài chuồng nuôi, có chiều dài 120m, rộng 0,3m, sâu 0,2m, độ dốc 3% về phía cuối chuồng, sau đó nước thải qua lưới chắn rác, rồi theo đường ống dẫn ∅ 114mm dẫn về bể lắng lọc để xử lý, rồi tự chảy qua mương sinh học để tiếp tục xử lý. Nước sau xử lý được lưu chứa tại mương sinh học, không thải ra ngoài môi trường.

**1.3. Xử lý nước thải:**

*a) Nước thải sinh hoạt*

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên có lưu lượng 0,8 m3/ngày.đêm (08 người x 100 lít/người/ngày) được xử lý bằng 01 bể tự hoại 3 ngăn (kích thước 3,0m x 2,0m x 1,5m, thể tích 9m3)để xử lý rồi cho chảy sang 01 mương sinh học (kích thước 3,0m x 1,0m x 1,5m, thể tích 4,5m3) tiếp tục xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT.

Nước thải sinh hoạt

Bể tự hoại

Mương sinh học

Cấu tạo của bể tự hoại được trình bày trong hình sau:

HẦM PHÂN

HẦM LẮNG

HẦM LỌC

Tường gạch

Vị trí nắp thấm

MẶT CẮT A-A

A

A

Tường gạch

*Hình 3: Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn*

\* Nguyên lý hoạt động:

Bể tự hoại có 3 ngăn chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng. Bể còn có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Bể có chức năng lắng và phân hủy cặn với hiệu suất xử lý 80 – 85%. Tại đây chất rắn được giữ lại trong bể 90% dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Sau khi qua bể tự hoại nồng độ các chất hữu cơ còn lại trong nước thải khoảng 20 – 30%; riêng các chất lơ lửng hầu như được giữ lại hoàn toàn. Lượng bùn sau thời gian lưu trong bể được đơn vị hút hầm cầu đến hút và vận chuyển đến nơi xử lý đúng quy định.

Nước thải sau đó được đưa về mương sinh học để tiếp tục xử lý đạt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT. Mương sinh học được thiết kế như sau: phía trên phủ một lớp đất trồng cỏ, phía dưới trong mương sinh học sẽ rải các lớp vật liệu lắng lọc như cát, sỏi, than để cải thiện môi trường nước; xung quanh mương sinh học sẽ trồng các cây xanh.

*Bảng 8: Các hạng mục công trình hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Hạng mục | Thông số kỹ thuật (m) | Số lượng | Vật liệu  |
| 1 | Bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt | 3 x 2 x 1,5 | 01 | Tường gạch, đáy bê tông |
| 2 | Mương sinh học xử lý nước thải sinh hoạt | 3 x 1 x 1,5 | 01 | Tường gạch, đáy bê tông |

*b) Nước thải chăn nuôi*

Nước thải chăn nuôi có lưu lượng cao nhất là 2,0 m3/ngày.đêm, được xử lý bằng bể lắng lọc rồi cho chảy sang mương sinh học để tiếp tục xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi-QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

Chủ dự án đầu tư xây dựng 02 bể lắng lọc (có 3 ngăn) và 02 mương sinh học để xử lý nước thải chăn nuôi. Bố trí, mương thu nước thải từ 04 dãy chuồng nuôi được thu gom về 02 bể lắng lọc và 02 mương sinh học để xử lý.

- Nước thải chăn nuôi phát sinh từ chuồng nuôi số 1 được thu gom về bể lắng lọc số 1, rồi tự chảy qua mương sinh học số 2.

- Nước thải chăn nuôi phát sinh từ chuồng nuôi số 2, 3 và 4 được thu gom về bể lắng lọc số 2, rồi tự chảy qua mương sinh học số 3.

Quy trình hệ thống xử lý nước thải, như sau:

Nước thải

Hầm lắng

Hầm lọc

Mương sinh học

Hầm chứa

Lưới chắn rác

*Hình 4: Quy trình hệ thống xử lý nước thải*

\* Thuyết minh quy trình:

Lượng nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi của dự án không đều mà chỉ tập trung chủ yếu trong thời gian vệ sinh chuồng trại khoảng 45 ngày/lần (khi trại xuất bán gà) để chuẩn bị nuôi lứa mới. Nước thải phát sinh từ quá trình xịt rửa trại nuôi cuốn theo phân và lượng trấu còn xót lại trên nền chuồng. Mỗi ngày trang trại xuất 1 dãy trại và tiến hành vệ sinh ngay nên lượng nước thải phát sinh là 1m3/1 dãy trại/ngày.

Nước thải phát sinh từ quá trình xịt rửa nền của 4 dãy chuồng gà và vệ sinh dụng cụ chăn nuôi sẽ được thu gom theo độ dốc chảy qua 8 song chắn rác đặt tại cuối mỗi chuồng nuôi nhằm ngăn các loại rác có kích thước lớn gây tắc nghẽn đường thoát nước. Sau đó nước thải được dẫn về bể lắng lọc có thể tích 4,5m3. Cấu tạo bể lắng lọc gồm 3 ngăn như sau:

- Ngăn *lắng*: có thể tích 1,5m3, nước thải phát sinh sẽ chảy qua ngăn lắng, dưới đáy ngăn lắng có lót một lớp sỏi, phần nước tiếp tục được chảy tràn qua ngăn lọc.

- *Ngăn lọc*: có thể tích 1,5m3, ngăn lọc sẽ được lót một lớp than hoạt tính để lọc nước thải phát sinh, than hoạt tính được sử dụng tại ngăn chứa là than hoạt tính dạng khối hoặc dạng hạt, trước khi cho chảy qua ngăn chứa nước.

*- Ngăn chứa:* có thể tích 1,5m3, nước tại ngăn chứa sẽ được chảy về mương sinh học để tiếp tục xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi-QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

Mương sinh học: có thể tích 6m3, phía dưới trong mương sinh học sẽ rải các lớp vật liệu lắng lọc như cát, sỏi, than để cải môi trường nước, xung quanh mương sinh học sẽ trồng cỏ, cây xanh. Mương sinh học sẽ được nạo vét định kỳ 6 tháng 1 lần, thu gom xử lý đúng theo quy định.

Cấu tạo mương sinh học và các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải trang trại:

Lớp cát vàng

Lớp than hoạt tính

Lớp sỏi

Nước sau hố lắng 3 ngăn

*Bảng 9: Các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Hạng mục | Số lượng(cái) | Quy cách |
| 1 | Song chắn rác | 8 | - Vật liệu: gang đúc- Cuối mương dẫn nước của mỗi dãy chuồng nuôi. |
| 2 | Bể lắng lọc (cấu tạo 3 ngăn).Kết cấu bể bao gồm: | 4  | - Xây dựng dạng hầm chìm- Kích thước: 3,0m x 1,0m x 1,5m- Vật liệu: Tường gạch, đáy bê tông. |
| *2.1* | *Ngăn lắng* | 4 | - Kích thước 1,0m x 1,0m x 1,5m |
| *2.2* | *Ngăn lọc* | 4 | - Kích thước 1,0m x 1,0m x 1,5m |
| *2.3* | *Ngăn chứa*  | 4 | - Kích thước 1,0m x 1,0m x 1,5m |
| 3 | Mương sinh học | 4 | - Xây dựng dạng mương chìm- Kích thước: 2,0m x 2,0m x 1,5m- Vật liệu: Tường gạch, đáy bê tông. |

2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ trại nuôi

Để hạn chế sự phát sinh các khí gây mùi đến mức thấp nhất có thể được, trại nuôi áp dụng các biện pháp sau:

- Bố trí các quạt hút và hệ thống làm mát trong mỗi dãy chuồng nuôi nhằm thông thoáng cho chuồng nuôi và trang trại. Phía sau mỗi dãy chuồng sẽ được lắp đặt hệ thống quạt hút, lắp đặt mỗi dãy chuồng là 10 quạt hút, tổng cộng 40 quạt hút cho 4 dãy chuồng nuôi (lưu lượng 1 quạt hút là 44.800 m3/h).

+ Thông số cơ bản quạt hút: quạt hộp, 6 cánh bằng inox dập gân, kích thước 1380 x 1380 x 400mm, công suất 1.1KW, độ ồn 65dB, điện áp 380V/220V, lưu lượng 44.800m3/h.

- Phía sau hệ thống quạt hút của mỗi dãy chuồng nuôi, chủ dự án xây dựng buồng thu gom xử lý mùi. Cấu tạo của buồng thu gom khí thải, mùi hôi được thiết kế khung sắt, các vách được phủ bằng lưới len bao quanh. Phía trên buồng được thiết kế hệ thống phun sương với chế phẩm khử mùi EM nhằm giảm thiểu mùi hôi, làm sạch không khí trước khi thoát ra bên ngoài. Hệ thống xử lý mùi hôi tại trại chăn nuôi như sau:

Mùi hôi

Quạt hút

Buồng thu gom khí

Hệ thống phun sương

Không khí sạch

Nước

Chế phẩm sinh học

Bốc hơi

*Hình 5: Sơ đồ xử lý khí thải và mùi hôi trại nuôi*

*Hệ thống phun sương khử mùi*

Lưới lan

Chuồng nuôi gà

*Định kỳ phun chế phẩm khử mùi*

Miếng giải nhiệt

Quạt hút

 Không khí sạch bên ngoài Không khí chứa mùi hôi

 Không khí đã được làm mát Không khí đã được khử mùi

*Hình 6: Hình ảnh minh họa hệ thống phun sương kết hợp lưới len*

*\* Thuyết minh quy trình:*

Lắp đặt hệ thống quạt hút không khí sau mỗi dãy chuồng nuôi để xử lý mùi hôi phát sinh tại trang trại. Phía sau hệ thống quạt hút được thiết kế buồng chắn (3 vách) cao hơn quạt hút với kết cấu khung sắt, vách bằng lưới len, buồng thu gom mỗi chuồng có kích thước dài 12m, rộng 5,0m, cao 5,0m. Vách chắn này nhằm tạo điều kiện cho không khí sau quạt hút ra ngoài va vào vách chắn và chuyển động theo phương thẳng đứng phát tán lên cao. Phía trên buồng chắn chủ dự án gắn 1 lớp lưới len và lắp đặt hệ thống phun sương bằng chế phẩm vi sinh khử mùi hôi EM nhằm giảm thiểu nồng độ mùi hôi phát tán ảnh hưởng đến dân cư xung quanh.

- Nhu cầu sử dụng chế phẩm EM: 1 lít/chuồng.

- Nhu cầu sử dụng nước: 0,1 m3/chuồng/ngày.đêm

- Nhu cầu sử dụng điện cho phun sương: 1kW/ngày

- Bố trí công nhân vệ sinh bên ngoài trại thường xuyên, đảm bảo công tác vệ sinh trại sạch sẽ.

- Định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, các dãy trại 1 lần/tuần. Ngoài ra, 1 tháng/lần thực hiện tổng vệ sinh tiêu độc sát trùng toàn trại.

- Sau mỗi đợt thu hoạch gà, chủ dự án tiến hành tiêu độc khử trùng trại đảm bảo không để các mầm bệnh tồn tại, phát sinh.

- Trại được thiết kế thông thoáng, có hệ thống quạt gió, quạt hút, hệ thống làm mát đảm bảo nhiệt độ ổn định trong trại. Không khí trong trại đảm bảo thông thoáng tránh phát sinh mùi hôi trong khu vực chăn nuôi và xung quanh.

- Khu vực kho chứa nguyên liệu chăn nuôi sẽ được lắp đặt hệ thống quạt hút đảm bảo kho chứa thông thoáng tránh ẩm mốc.

- Trồng cây xanh xung quanh trại nhằm tạo dãy phân cách và tăng vẻ mỹ quan cho trang trại.

2.2. Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác

*a) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm từ các phương tiện vận chuyển*

- Vệ sinh, thu dọn đất cát trong khuôn viên trại nuôi.

- Phun nước trên tuyến đường nội bộ và xung quanh khu vực trại chăn nuôi vào mùa khô nhằm giảm bụi phát sinh và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào trại.

- Khi các xe lưu thông trong khu vực trại chăn nuôi cần giảm tốc độ.

- Tiến hành bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng trọng tải để giảm thiểu các khí độc hại của các phương tiện này.

- Trồng cây xanh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí. Tán cây xanh dày có thể hấp thụ bức xạ mặt trời, điều hòa các yếu tố vi khí hậu, chống ồn, hấp thụ khói bụi và những hỗn hợp khí như SO2, CO2, hợp chất chứa nito, photpho, các yếu tố vi lượng độc hại khác như Pb, Cu, Fe,…

*b) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí từ máy phát điện*

Dự án đầu tư 02 máy phát điện dự phòng (công suất 200KVA, sử dụng dầu DO). Tuy nhiên, nguồn khí thải này không thường xuyên do chỉ được vận hành khi mạng lưới điện quốc gia gặp sự cố. Định mức tiêu thụ nhiên liệu của máy phát điện dự phòng trung bình 12,5 lít dầu DO/giờ tương đương 10,375 kg/giờ (tỷ trọng dầu DO khoảng 0,83 kg/lít). Lưu lượng khí thải phát sinh khi đốt 1kg dầu DO khoảng 18 Nm3/kg ở điều kiện tiêu chuẩn. Do đó, lượng khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng là 10,375 x 18 = 186,75 m3/giờ.

Để đảm bảo về mặt môi trường, chủ đầu tư chủ động lựa chọn các loại nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh và cặn carbon thấp để sử dụng cho máy phát điện. Cụ thể như:

- Hàm lượng lưu huỳnh trong nhiên liệu sử dụng không vượt quá 1%.

- Hàm lượng Carbon không vượt quá 76%.

Với tiêu chí như trên thì trang trại sử dụng dầu DO có bổ sung một số chất phụ gia giúp hạn chế nguồn ô nhiễm từ hoạt động của máy phát điện. Bên cạnh đó để giảm thiểu đến mức thấp nhất các hoạt động từ khí thải phát sinh khi máy phát điện hoạt động, chủ dự án sẽ lắp đặt thêm ống khói cao 5m, vật liệu Inox để chủ động phát tán lượng khí thải phát sinh này (công dụng của ống khói là nâng cao điểm phát tán của dòng khói thải, qua đó nâng cao tốc độ phát tán cũng như phạm vi phát tán của dòng khí này). Dưới sự xáo trộn của dòng khí thải trên cao và dòng khí được lan truyền xa hơn, nồng độ khí thải tại khu vực gần dự án trở nên vô cùng loãng.

Việc lựa chọn hình thức phát tán này là hoàn toàn hợp lý, do đây là nguồn thải không thường xuyên và mức độ ảnh hưởng không đáng kể. Khí thải sau máy phát điện dự phòng đáp ứng đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

*c)* *Biện pháp giảm thiểu mùi và khí thải phát sinh từ hố hủy xác gà chết*

Khí thải từ việc hủy xác gà chết: Gà chết không do dịch bệnh phát sinh khoảng 2,7kg/ngày được thu gom và đem hủy hợp vệ sinh bằng hố bê tông. Xác gà bị phân huỷ sinh học, phân hủy các chất hữu cơ, dưới sự tác động của các vi sinh vật phân huỷ như nấm, vi khuẩn, xạ khuẩn tạo ra khí CO2, Methane, nước và sinh khối…Quá trình phân hủy được thể hiện theo công thức: C6H12O6 → 3CO2 + 3CH4

- Như vậy 1,8g sinh khối phân hủy thành 1,344 lít khí. Do đó phân hủy 2,7 kg xác gà làm phát sinh 2,016 m3 khí/ngày (≈ 0,084 m3/h).

Để giảm thiểu mùi, khí thải phát sinh từ hố hủy xác gà chết, chủ đầu tư thực hiện một số biện pháp sau:

- Hố hủy xác gà chết được thiết kế đúng theo quy cách tại QCVN 01-41:2011/BNNPTNT ngày 06/5/2011-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

- Vị trí hố hủy xác gà chết được bố trí tại khu đất dự án, có địa hình cao ráo, không ngập nước trong mùa mưa và nằm ở cuối hướng gió chính của dự án.

- Hố hủy xác được xây dựng bằng gạch với kích thước mỗi hố 3m x 2m x 1,2m. Đáy hố hủy là bê tông, bên trên hố được thiết kế nắp đậy kín. Hố hủy xác được định kỳ phun xịt chế phẩm EM và khử mùi nhằm tạo điều kiện đẩy nhanh tốc độ phân hủy xác gà chết và giảm thiểu mùi hôi tại hố hủy xác. Phía ngoài khu vực hố, khoảng cách 1m, tạo rãnh thoát nước rộng 25cm, sâu 20cm dẫn nước mưa thoát ra ngoài, tránh ứ đọng nước quanh hố. Khu vực hố hủy xác được kiểm tra thường xuyên 1 tuần/lần. Khi oai mục thành phân, định kỳ sẽ được công nhân thu gom, bán cho các đơn vị có nhu cầu làm phân bón cho cây trồng.

*d) Giảm thiểu ô nhiễm mùi hôi từ phun thuốc khử trùng, sát khuẩn*

Đối với mùi hôi của thuốc phát sinh từ kho chứa thuốc, từ quá trình sử dụng thuốc khử trùng Formol. Dự án thực hiện một số biện pháp giảm thiểu như sau:

- Kho chứa thuốc được xây dựng riêng tách biệt, vững chắc bằng vật liệu tốt;

- Đảm bảo các điều kiện kỹ thuật về lưu trữ, bảo quản thuốc an toàn tại dự án;

- Lắp đặt các biển hướng dẫn, biển cảnh báo an toàn tại khu vực kho chứa thuốc;

- Trang bị bảo hộ lao động khi pha chế và phun thuốc. Sau khi phun thuốc phải thay quần áo và giặt sạch;

- Không sử dụng bình phun bị rò rỉ và rửa sạch bình sau khi phun thuốc;

- Không phun ngược chiều gió và tránh để thuốc tiếp xúc với tất cả bộ phận của cơ thể.

*đ) Biện pháp giảm thiểu ruồi, muỗi*

- Dụng cụ chăn nuôi và vệ sinh chỉ dùng riêng cho từng dãy trại nuôi, cọ rửa và phơi khô sau khi sử dụng.

- Xử lý ngay xác những con vật chết ngay trong ngày, vì đây là môi trường để ruồi phát triển.

- Sử dụng biện pháp hóa học bằng cách phun thuốc diệt côn trùng ở các vách hoặc tường.

- Thu gom xử lý chất thải chăn nuôi của Dự án được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triên nông thôn.

3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là thực phẩm dư thừa ở mức từ 65 -70% và phần còn lại là giấy, nilon nhựa. Tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại dự án khoảng 2,4kg/ngày (08 người x 0,3 kg/người/ngày).

*Thiết bị lưu chứa:*

+ Thùng rác dung tích 60 lít

+ Số lượng: 6 thùng.

+ Vật liệu: Nhựa dẻo HDPE, có nắp đậy kín.

*Tần suất thu gom:* 1 ngày/lần

*Biện pháp xử lý:* Thu gom phân loại và chứa trong các thùng rác có nắp đậy. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

**3.2. Chất thải rắn trong quá trình chăn nuôi**

*Hình thức lưu trữ:* Chất thải phát sinh gồm phân gà và trấu được lưu giữ tạm thời trong chuồng nuôi, bao bì đựng thức ăn được lưu giữ tạm thời trong kho cám, gà chết do giẫm đạp không phải do dịch bệnh được xử lý ngay bằng hố chôn hủy xác gà bằng bê tông có diện tích 6m2, không lưu giữ.

*Biện pháp xử lý:*

- Phân gà, trấu sau mỗi lứa nuôi:Trung bình lượng phân gà thải ra mỗi ngày chiếm tỷ lệ 5% so với khối lượng cơ thể gia cầm (Căn cứ theo tài liệu Quản lý chất thải chăn nuôi của trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, 2011), ước tính khối lượng chất thải chăn nuôi tại trang trại với quy mô 80.000 con như sau:

***Bảng 10: Khối lượng chất thải chăn nuôi theo từng giai đoạn***

***tại trang trại trong giai đoạn vận hành***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Giai đoạn** | **Lượng phân phát sinh (g/con/ngày)** | **Lượng phân phát sinh tại trang trại trong 1 ngày** | **Lượng phân gà phát sinh theo từng giai đoạn** |
| 1 | Khi nhập trại đến 14 ngày tuổi | 45 | 3,6 tấn | 50,4 tấn |
| 2 | Từ 15 ngày tuổi đến 30 ngày tuổi | 73 | 5,84 tấn | 87,6 tấn |
| 3 | Từ 31 ngày tuổi đến 45 ngày tuổi (xuất trại) | 94 | 7,52 tấn | 112,8 tấn |
|  | **Tổng cộng** |  | **16,96 tấn** | **250,8 tấn/lứa** |

+ Căn cứ theo nhu cầu trấu lót sử dụng tại trang trại trong giai đoạn vận hành thì khối lượng trấu thải là 74,88tấn/đợt nuôi (lượng trấu thải đầu ra – 100% lượng trấu thải đầu vào).

Như vậy, tổng khối lượng chất thải rắn phát sinh tại trang trại trong giai đoạn vận hành là 325,68 tấn/lứa nuôi (bao gồm trấu thải sau mỗi lứa nuôi là 74,88tấn và phân gà phát sinh sau mỗi đợt nuôi là 250,8 tấn). Được ủ tại chổ (chuồng nuôi) và được bán cho đơn vị có nhu cầu sử dụng bón cho cây trồng.

*+ Tần suất thu gom:* 1 lứa/lần

- Gà chết do giẫm đạp (không phải do dịch bệnh):

+ Số lượng gà chết trong quá trình chăm sóc (chủ yếu là do giẫm đạp) trong giai đoạn chăn nuôi vận hành thương mại như sau: tỷ lệ chết không vượt quá 0,5% cho 1 lứa nuôi tương đương 400 con/lứa nuôi tương đương 9 con/ngày, trung bình 1 con gà chết nặng 0,3 kg. Dự kiến khối lượng gà chết khoảng 2,7 kg/ngày tương đương 121,5 kg/lứa, được thu gom hàng ngày và chôn lấp hợp vệ sinh. Hố chôn lấp hủy xác gà chết được thiết kế đảm bảo an toàn sinh học.

+ Khi phát sinh gà chết không phải do dịch bệnh, xác gà được đưa xuống hố. Trước khi bỏ xác gà chết vào hố hủy, bên dưới đáy hố phải được lót bằng một lớp vật liệu độn gồm trấu và mùn cưa với độ dày khoảng 5 cm nhằm tạo môi trường hút ẩm tốt cho hố hủy xác và đậy nắp bê tông kín miệng hố chôn. Trên bề mặt khu vực hố hủy xác, rắc vôi bột với lượng 0,8kg/m2.

+ Mỗi ngày, thu gom bỏ thêm gà chết vào hố hủy xác và đậy nắp lại, thì rải thêm một lớp vôi bột với lượng 0,8kg/m2 phủ lên tấm đan, bề mặt khu vực hố. Sau 2 – 3 tháng, xác gà chết dưới hố đã phân hủy hoàn toàn thành mùn chứa nhiều hợp chất hữu cơ sẽ được công nhân thu gom, bán cho các đơn vị có nhu cầu làm nguyên liệu cho phân bón.

*+ Tần suất thu gom:* 1 ngày/lần

- Bao bì đựng thức ăn:Tổng khối lượng thức ăn cho gà tại trang trại tại giai đoạn này vào khoảng 306,48 tấn/lứa (tùy theo mỗi giai đoạn phát triển của gà mà lượng thức ăn cung cấp cũng khác nhau). Trọng lượng mỗi bao thức ăn khoảng 50kg/bao, như vậy trong suốt quá trình chăn nuôi trang trại cần khoảng 6.123 bao thức ăn, khối lượng riêng của bao thức ăn rỗng là 30g/bao, như vậy tổng khối lượng bao bì đựng thức ăn ước tính: 6.123 bao x 30g/bao = 184 kg/lứa (tương đương 4 kg/ngày). Bao bì sẽ được thu gom bán lại cho đơn vị cung cấp thức ăn, hoặc có thể tái sử dụng để chứa phân tại trại nuôi.

*+ Tần suất thu gom:* 1 ngày/lần

4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

*Chất thải rắn nguy hại:* Trong quá trình hoạt động cơ sở phát sinh: bóng đèn huỳnh quang, pin thải, mực in,...ước tính khoảng 108kg/năm, cụ thể:

*Bảng 11: Danh mục và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại trang trại*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thành phần | Trạng thái tồn tại | Khối lượng (kg/năm) | Mã CTNH |
|  | Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại | Rắn | 35 | 14 02 02 |
|  | Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn) | Rắn | 10 | 13 02 01 |
|  | Hóa chất thải bao gồm hoặc có thành phần nguy hại | Rắn | 25 | 19 06 01 |
|  | Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | Rắn | 35 | 18 02 01 |
|  | Bóng đèn huỳnh quang thải | Rắn | 1 | 16 01 06 |
|  | Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải | Lỏng | 1 | 17 02 03 |
|  | Pin, ắc quy chì thải | Rắn | 1 | 19 06 01 |
|  | Gà chết do dịch bệnh | Rắn | Không xác định | 14 02 01 |
| Tổng cộng : |  | 108 |  |

*- Hình thức lưu trữ:* Chất thải nguy hại được chủ dự án thu gom, phân loại theo chủng loại trong các thùng chứa loại 90 lít và lưu giữ tạm thời tại kho lưu giữ có diện tích 6m2, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

+ Tên CTNH, mã CTNH theo danh mục CTNH

+ Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra

*- Tần suất thu gom*: 01 ngày/lần

*- Tần suất chuyển giao*: 01 năm/lần

*- Biện pháp xử lý:*

+ Các loại chất thải nguy hại như: Bao bì đựng thuốc sát trùng; chai, lọ vắc xin; ống kim tiêm... được Công ty cung cấp thuốc thú y tiến hành thu gom và trả về Công ty ngay sau khi sử dụng xong.

+ Các loại chất thải nguy hại khác: Bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau dính dầu mỡ,... chủ đầu tư ký hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại để xử lý.

- Chủ dự án cam kết thực hiện các biện pháp thu gom, lưu chứa, phân loại chất thải theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

*Đối với gà chết do dịch bệnh*: khi phát hiện dịch bệnh, chủ trại chăn nuôi áp dụng các biện pháp sau để khắc phục:

- Báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thú y cấp huyện và tỉnh. Các cơ quan này xuống lấy mẫu xét nghiệm để tìm ra nguyên nhân gây bệnh và đưa ra các biện pháp tiêu hủy, phòng dịch bệnh thích hợp.

- Cách ly gà bệnh ra để theo dõi, tổng sát trùng nhằm giảm thiểu bệnh lây lan. Tiêm ngừa phòng bệnh cho các gà còn lại nhốt chung trại với gà bệnh (sau khi đã cách ly gà bệnh).

- Bố trí khu vực đất dự phòng chôn lấp diện tích 600 m2 ở phía sau chuồng nuôi để dự phòng chôn gà chết do dịch bệnh, phòng trừ trường hợp tiêu hủy hàng loạt do dịch bệnh gây ra. Việc chôn lấp đảm bảo đúng quy định QCVN 01-41:2011/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

5.1. Các biện pháp kỹ thuật âm học

Biện pháp kỹ thuật âm học có thể xem là biện pháp nhằm tạo được môi trường âm thanh tiện nghi, môi trường làm việc có mức ồn đạt quy chuẩn, quy định. Các giải pháp kỹ thuật âm học cụ thể thường được áp dụng như sau:

- Thao tác bốc dỡ, vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm nhẹ nhàng.

- Thường xuyên bảo quản, sửa chữa kịp thời các máy móc, thiết bị theo định kỳ.

- Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.

- Các phương tiện vận tải ra vào trại nuôi phải giảm tốc độ.

- Hạn chế bóp còi khi xe lưu thông trong khu vực trại.

- Trồng cây xanh xung quanh trong khu vực trại nuôi, cây xanh ngoài chức năng tạo cảnh quan đẹp cho khu vực vừa có chức năng hút ẩm.

5.2. Đối với ô nhiễm tiếng ồn do máy phát điện dự phòng

Để hạn chế mức độ ồn gây ra bởi máy phát điện khi vận hành máy, chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Gắn đế cao su và lò xo giảm chấn tại chân máy phát điện.

- Sử dụng vỏ cách âm cho máy phát điện và khí thải được phát tán ra ngoài môi trường thông qua ống khói cao.

- Nền để máy phát điện được xây dựng bằng xi măng mác cao, đào các rãnh xung quanh có đổ cát để ngăn cản độ rung trên sàn nhà.

- Trong quá trình vận hành thường xuyên kiểm tra máy móc, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.

**3.3. Đối với ô nhiễm tiếng ồn do gà kêu**

Quá trình cho gà ăn, uống được thực hiện bằng hệ thống tự động hoặc bán tự động nên nhu cầu thức ăn, nước uống cho gà được cung cấp đầy đủ, gà nuôi không bị đói nên hạn chế đáng kể tiếng kêu phát sinh.

Trồng cây xanh xung quanh khu vực trại nuôi, làm tăng cảnh quan khu vực đồng thời giảm ảnh hưởng của tiếng ồn đến môi trường xung quanh.

6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ KHI DỰ ÁN ĐI VÀO VẬN HÀNH.

6.1. Phòng chống sự cố hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải

6.1.1. Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước

- Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn.

- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

6.1.2. Đối với bể tự hoại và mương sinh học, hệ thống xử lý khí thải

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra hoạt động của bể tự hoại, bể lắng lọc, mương sinh học và làm sạch, thông tắc đường ống.

- Định kỳ thuê đơn vị thu gom đến hút bùn cặn lên và vận chuyển đến nơi xử lý đúng quy định.

- Dự án thường xuyên kiểm tra, theo dõi để kịp thời phòng ngừa và ứng phó sự cố về hệ thống xử lý nước thải, khí thải.

6.1.3. Phòng chống sự cố đối với khu chứa chất thải

Ký hợp đồng thu gom chất thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

Gà chết trong quá trình chăn nuôi phải được thu gom, xử lý tại hố hủy xác.

Xây dựng khu lưu giữ chất thải nguy hại có mái che, đề phòng khi có sự cố đổ vỡ, chất thải tràn ra ngoài gây nguy hiểm hoặc chất thải có thể lẫn vào nước mưa gây ô nhiễm môi trường.

Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý sẽ có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, xử lý toàn bộ các loại chất thu rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

6.2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Để phòng chống các sự cố có thể xảy ra, chủ dự án sẽ xây dựng phương án phòng chống sự cố như sau:

- Hệ thống điện được bố trí và lắp đặt theo tiêu chuẩn an toàn về điện.

- Huấn luyện cho toàn thể công nhân các biện pháp PCCC.

- Trang bị thiết bị PCCC.

- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho những công nhân làm việc.

- Khu vực lưu trữ các chất dễ cháy được bố trí riêng.

- Không vứt tàn thuốc bừa bãi.

6.3. Phòng ngừa dịch bệnh

Phòng chống dịch bệnh cho Trại chăn nuôi là công việc rất quan trọng, là quan tâm hàng đầu nhằm chủ động ngăn chặn và tiêu diệt các mầm bệnh phát sinh. Vì vậy, trại nuôi có kế hoạch phòng chống dịch bệnh như sau:

### *6.3.1. Yêu cầu về sát trùng*

Trại nuôi, hệ thống cống rãnh, khu vực kho chứa thức ăn, dụng cụ chăn nuôi được vệ sinh đảm bảo sát trùng triệt để theo quy định của thú y.

Trại nuôi, nhà kho sau khi được vệ sinh sát trùng được để khô, sau đó mới cho thức ăn vào.

Cổng ra vào được đóng kín và có hố sát trùng.

Hố sát trùng cho xe vận chuyển ra vào trại.

Trước lúc vào làm việc thay quần áo, giày dép đã sát trùng và rửa tay bằng dung dịch sát trùng.

Quần áo bảo hộ lao động được giặt sạch và sát trùng sau khi sử dụng.

### *6.3.2. Vệ sinh phòng bệnh*

Trại nuôi có vành đai cách ly bên ngoài: Chủ dự án sẽ tiến hành xây dựng hàng rào bao quanh kín toàn bộ khu vực trại chăn nuôi và không cho các loại gia cầm, gia súc bên ngoài xâm nhập vào trại nuôi.

Các động vật cư trú truyền dịch bệnh cho đàn gà như chuột, chồn, côn trùng, chim tự nhiên,… được tiêu diệt theo hướng dẫn của thú y.

Thức ăn cho gà sạch, không bị vón cục.

Khi nghi ngờ gà bị ngộ độc thì ngừng cho ăn và báo cáo cán bộ thú y biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

Sau khi chuyển gà ra khỏi dãy trại nuôi hoặc bán đều vệ sinh trại sạch sẽ, để trống trại ít nhất 2 tuần mới thả gà đợt mới để nuôi tiếp.

### *6.3.3. Vệ sinh nguồn nước*

Nguồn nước dùng nuôi gà đảm bảo đủ số lượng và chất lượng. Các thiết bị chứa nước định kỳ vệ sinh.

Bên cạnh đó, định kỳ kiểm tra chất lượng nước ngầm.

### *6.3.4. Vệ sinh thức ăn*

Kho chứa thức ăn thông thoáng, nhiệt độ, độ ẩm thích hợp, định kỳ sát trùng.

Kho chứa có biện pháp chống mối mọt, chuột, côn trùng phá hoại.

Các thiết bị chứa thức ăn định kỳ sát trùng, tẩy uế, tránh tình trạng tồn trữ thức ăn cũ gây hư mốc.

### *6.3.5. Vệ sinh nhân lực*

Người cũng là phương tiện trung gian truyền bệnh hoặc mang vi trùng. Một số bệnh có thể lây truyền từ người sang gà hoặc từ gà sang người. Vì vậy, định kì khám sức khỏe cho công nhân lao động tiếp xúc trực tiếp với đàn gà. Khi công nhân có dấu hiệu nhiễm bệnh, tiến hành đưa công nhân đến ngay trạm y tế gần nhất để thăm khám và chữa bệnh. Sau đó tiến hành phun thuốc tiêu độc khử trùng toàn bộ khu vực dự án để tránh tình trạng lan truyền dịch bệnh.

Ngoài ra, công nhân được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ trong quá trình chăn nuôi như: quần áo bảo hộ, giày ủng, găng tay,…

### *6.3.6. Vệ sinh dụng cụ, trang bị*

Mỗi dãy trại có những vật dụng như: chổi, xô, xẻng, dụng cụ đựng thức ăn, không sử dụng chung với các dụng cụ khác, những vật dụng này được làm vệ sinh hàng ngày.

Các loại dụng cụ thú y cũng trang bị riêng cho từng khu nuôi, không dùng chung. Trước và sau khi sử dụng, sát trùng kỹ lưỡng. Một số dụng cụ thú y như: dao, kéo,… định kỳ kiểm tra độ sắc bén.

### *6.3.7. Phát hiện bệnh sớm*

Tiến hành theo dõi và khám bệnh cho đàn gà trong trại để phát hiện ngay những con có dấu hiệu bệnh để có kế hoạch điều trị thích hợp. Việc phát hiện bệnh sớm có lợi cho công tác điều trị vì thông thường cứ phát hiện bệnh trễ thì mầm bệnh sẽ sinh sản nhanh, càng phát hiện trễ thì cơ thể gà bệnh càng bị suy nhược, khó điều trị.

Cách ly gà bệnh: khi gà bệnh có biện pháp cách ly gà khỏe mạnh với gà bệnh, có biện pháp tiêu độc tẩy uế kỹ trại gà bệnh. Biện pháp cách ly tích cực giúp hạn chế mầm bệnh lây lan.

Gà xuất khỏi trại phải có giấy chứng nhận sức khỏe và lịch dùng thuốc.

### *6.3.8. Điều trị bệnh sớm*

Sau khi phát hiện và chuẩn đoán, nhanh chóng điều trị bằng thuốc hữu hiệu ngay từ đầu.

### *6.3.9. Ứng phó dịch bệnh và khắc phục sự cố, rủi ro*

Khi phát hiện gà có biểu hiện lạ và chết trong trại chăn nuôi thì Chủ dự án sẽ báo cáo ngay tới các cơ quan thú y quản lý ở địa phương hoặc công ty cung cấp giống để kịp thời ứng cứu. Ngoài ra, trại nuôi thực hiện các biện pháp sau:

- Không đưa gà có biểu hiện bệnh, chết và chất thải của con gà ra khỏi trại chăn nuôi

- Đặt các điểm kiểm soát, khử trùng các phương tiện vận chuyển, phương tiện giao thông ra vào trại trong thời gian có biểu hiện lạ.

- Cách ly gà bị bệnh để theo dõi, phun thuốc sát trùng trại nuôi nhằm giảm thiểu dịch bệnh lây lan. Tiêm ngừa phòng bệnh cho các con gà còn lại.

- Khi gà bị chết hàng loạt, chủ dự án bao ngay với Chi cục Thú y tỉnh Tây Ninh và các đơn vị khác có liên quan để có biện pháp hỗ trợ tiêu hủy hợp lý.

- Khi trại nuôi phát sinh sự cố như: phát sinh ruồi, muỗi, công nhân lập tức tiến hành dọn dẹp, vệ sinh, sát trùng trại. Đồng thời tiến hành rà soát quy trình chăn nuôi trong toàn trại nuôi để tránh phát sinh sự cố tiếp theo.

7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC:

Không có.

8. BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NGUỒN NƯỚC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHI CÓ HOẠT ĐỘNG XẢ NƯỚC THẢI VÀO CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Dự án không có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi.

9. KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ, KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải có phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

10. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Dự án Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín của Hộ kinh doanh Nguyễn Khắc Dương tại ấp Phước Lễ, xã Phước Ninh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 25/7/2014 và điều chỉnh tại Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 03/7/2018.

Trong quá trình hoạt động, dự án có một số nội dung thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

*Bảng 12: Nội dung thay đổi so với Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt | Phương án điều chỉnh, thay đổi  |
| 1 | Mương sinh học | - | 05 mương diện tích 15 m2 |
| 2 | Buồng xử lý khí thải | - | 04 buồng xử lý khí thải 240 m2 |
| 3 | Khu đất dự phòng chôn gà chết do dịch bệnh | - | 01 Khu đất dự phòng chôn gà chết do dịch bệnh 600 m2 |
| 4 | Kho chứa chất thải nguy hại | - | 01 kho chứa CTNH 6 m2 |
| 5 | Hố hủy xác gà chết | - | 01 hố 6 m2 |

CHƯƠNG IV

# NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

*a) Nguồn phát sinh nước thải*

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên vận hành trang trại chăn nuôi gà, lưu lượng 0,8 m3/ngày.đêm.

- Nguồn số 2: Nước thải vệ sinh chuồng trại sau mỗi lứa nuôi (chuồng nuôi số 1 đến chuồng nuôi số 4), lưu lượng 1,0m3/ngày.đêm/dãy chuồng.

- Nguồn số 3: Nước thải vệ sinh dụng cụ chăn nuôi, với lưu lượng 1,0m3/ngày.

*b) Lưu lượng xả nước thải tối đa:*

Tổng lưu lượng nước thải tối đa phát sinh trong một ngày của trang trại chăn nuôi là 2,8 m3/ngày.đêm.

*c) Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận*

- Dòng nước thải số 1: Nguồn số 1 được thu gom về bể tự hoại rồi dẫn về mương sinh học 1 để xử lý đạt cột A, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT.

- Dòng nước thải số 2: Nguồn số 2, 3 được thu gom về bể lắng lọc rồi dẫn về mương sinh học số 2, 3 để xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi-QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

*d) Nguồn tiếp nhận nước thải*

Ba (03) mương sinh học trong khuôn viên Dự án.

*đ) Vị trí, phương thức xả nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải*

- Vị trí xả nước thải:

+ Tại mương sinh học số 1 tọa độ: X = 1251 628; Y = 584 632;

+ Tại mương sinh học số 2 tọa độ: X = 1251 627; Y = 584 510;

+ Tại mương sinh học số 3 tọa độ: X = 1251 595; Y = 584 477.

*(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105o 30’, múi chiếu 30).*

- Phương thức xả nước thải:

+ Nguồn số 1 sau xử lý bằng bể tự hoại chảy ra mương sinh học số 1.

+ Nguồn số 2, 3 sau xử lý bằng bể lắng lọc chảy ra mương sinh học số 2, 3.

- Chế độ xả thải: liên tục.

- Công trình xử lý nước thải ngoài phạm vi dự án: không có

*e) Các chất ô nhiễm và giá trí giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải*

- Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn nước tiếp nhận đối với dòng nước thải số 1 phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14: 2008/BTNMT, cột A cụ thể như sau:

*Bảng 13: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của nước thải sinh hoạt*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên chất | Đơn vị  | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ |
| 1 | pH | - | 5 – 9 | Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ |
| 2 | TSS | mg/L | 50 |
| 3 | TDS | mg/L | 500 |
| 4 | BOD5 | mg/L | 30 |
| 5 | Sunfua | mg/L | 1 |
| 6 | Amoni | mg/L | 5 |
| 7 | Nitrat | mg/L | 30 |
| 8 | Dầu mỡ động thực vật | mg/L | 10 |
| 9 | Tổng các chất hoạt động bề mặt | mg/L | 5 |
| 10 | Phosphat | mg/L | 6 |
| 11 | Tổng Coliform | MPN/100ml | 3.000 |  |

- Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn nước tiếp nhận đối với dòng nước thải số 2 phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT: 2016/BTNMT, cột A cụ thể như sau:

*Bảng 14: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của nước thải chăn nuôi*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên chất | Đơn vị  | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ |
| 1 | pH | - | 6 – 9 | Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ  |
| 2 | TSS | mg/L | 50 |
| 3 | COD | mg/L | 100 |
| 4 | BOD5 | mg/L | 40 |
| 5 | Tổng Nitơ | mg/L | 50 |
| 6 | Tổng Coliform | MPN/100ml | 3.000 |

## 2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

*a) Nguồn phát sinh khí thải chính đề nghị cấp phép*

- Nguồn số 1 - chuồng số 1: khí thải từ 10 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 1 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m³/giờ (căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 2 - chuồng số 2: khí thải từ 10 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 2 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m³/giờ (căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 3 - chuồng số 3: khí thải từ 10 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 3 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m³/giờ (căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 4 - chuồng số 4: khí thải từ 10 quạt hút bên trong chuồng nuôi số 4 thải ra môi trường, lưu lượng tối đa là 448.000 m³/giờ (căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 5: Bụi, khí thải từ hoạt động của hệ thống máy phát điện dự phòng số 1 có công suất 200 KVA, sử dụng nhiên liệu là dầu DO. Nguồn này phát thải khi vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện tạm thời khi có sự cố mất điện. Lưu lương bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động máy phát điện dự phòng là 186,75 m³/giờ.

- Nguồn số 6: Bụi, khí thải từ hoạt động của hệ thống máy phát điện dự phòng số 2 có công suất 200 KVA, sử dụng nhiên liệu là dầu DO. Nguồn này phát thải khi vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện tạm thời khi có sự cố mất điện. Lưu lương bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động máy phát điện dự phòng là 186,75 m³/giờ.

*b) Lưu lượng xả khí thải tối đa của các nguồn thải*

- Nguồn khí thải từ số 1 đến số 4: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 44.800 m3/giờ/quạt hút.

- Nguồn khí thải số 5, 6: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 186,75 m3/giờ/hệ thống.

*c) Dòng khí thải*

- Dòng khí thải số 1 đến số 4: Dòng khí thải phát sinh sau các quạt hút cuối mỗi dãy chuồng nuôi.

- Dòng khí thải số 5 và số 6: Dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng sẽ thoát trực tiếp ra môi trường thông qua ống khói Inox, cao 5m.

*d) Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải*

- Nguồn khí thải số từ số 1 đến số 4 đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh - QCVN 05:2023/BTNMT:

*Bảng 15: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của khí thải theo*

*QCVN 05:2023/BTNMT*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên chất  | Đơn vị | Thời gian trung bình | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ | Quan trắc tự động, liên tục |
| 1 | H2S | µg/Nm3 | 1 giờ | 42 | 02lần/năm | Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. |
| 2 |  NH3 | µg/Nm3 | 1 giờ | 200 |
| 3 | Tổng bụi lơ lửng (TSP)  | µg/Nm3 | 24 giờ | 200 |

- Nguồn khí thải số 5, 6 đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, hệ số Kp = 1,0 và Kv = 1,0.

*Bảng 16: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của khí thải theo*

*QCVN 19:2009/BTNMT*

| TT | Chất ô nhiễm | Đơn vị | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ  | Quan trắc tự động, liên tục  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Lưu lượng | m3/giờ | P ≤ 100.000 | Không | Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. |
|  | Bụi  | mg/Nm3 | 200 |
|  | NOx | mg/Nm3 | 850 |
|  | SO2 | mg/Nm3 | 500 |
|  | CO | mg/Nm3 | 1.000 |

*đ) Vị trí, phương thức xả khí thải vào nguồn tiếp nhận khí thải*

- Vị trí xả thải:

+ Nguồn khí thải số 1: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 1; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1251 620; Y = 584 516;

+ Nguồn khí thải số 2: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 2; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1251 607; Y = 584 485;

+ Nguồn khí thải số 3: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 3; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1251 582; Y = 584 478;

+ Nguồn khí thải số 4: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng số 4; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1251 557; Y = 584 475;

+ Nguồn khí thải số 5: tương ứng với dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng số 1 của Dự án thoát ra bằng ống khói xả khí thải của máy phát điện dự phòng số 1; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1251 596; Y = 584 652;

+ Nguồn khí thải số 6: tương ứng với dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng số 2 của Dự án thoát ra bằng ống khói xả khí thải của máy phát điện dự phòng số 2; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1251 590; Y = 584 654.

*(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105030’ múi chiếu 30)*

- Phương thức xả thải:

+ Nguồn khí thải từ số 01 đến số 04: khí thải, bụi xả cưỡng bức thông qua hệ thống quạt hút (mỗi chuồng có 10 quạt hút) xả liên tục khi hoạt động.

+ Nguồn khí thải 05, số 06: xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục khi có sự cố mất điện phải vận hành máy phát điện dự phòng.

- Chế độ xả thải: gián đoạn

- Công trình xử lý khí thải trong và ngoài phạm vi dự án: không có

## 3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

*a) Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính đề nghị cấp phép*

- Nguồn số 1: Phát sinh từ hoạt động của dãy chuồng nuôi 1;

- Nguồn số 2: Phát sinh từ hoạt động của dãy chuồng nuôi 2;

- Nguồn số 3: Phát sinh từ hoạt động của dãy chuồng nuôi 3;

- Nguồn số 4: Phát sinh từ hoạt động của dãy chuồng nuôi 4;

- Nguồn số 5: Phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng số 01;

- Nguồn số 6: Phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng số 02.

*b) Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung*

Các nguồn thải trên nếu được khống chế tốt và xử lý cục bộ bằng các biện pháp quản lý kỹ thuật hợp lý thì tiếng ồn và độ rung sẽ đạt giới hạn cho phép. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn – QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/ BTNMT, cụ thể như sau:

*Bảng 17: Giá trị giới hạn đối với độ ồn*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA) | Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA) | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú |
| 1 | 70 | 55 | không | *Khu vực thông* *thường* |

*Bảng 18: Giá trị giới hạn đối với độ rung*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú |
| Từ 6 giờ đến 21 giờ | Từ 21 giờ đến 6 giờ |
| 1 | 70 | 60 | không | *Khu vực thông* *thường* |

*c) Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung*

- Nguồn 1: tọa độ: X = 1251 620; Y = 584 516;

- Nguồn 2: tọa độ: X = 1251 607; Y = 584 485;

- Nguồn 3: tọa độ: X = 1251 582; Y = 584 478;

- Nguồn 4: tọa độ: X = 1251 557; Y = 584 475;

- Nguồn 5: tọa độ: X = 1251 596; Y = 584 652;

- Nguồn 6: tọa độ: X = 1251 590; Y = 584 654.

*(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105030’ múi chiếu 30)*

## 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG VÀ CHẤT THẢI RẮN NGUY HẠI

### 4.1. Khối lượng chất thải rắn phát sinh

*a)Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh*

*Bảng 19: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nguồn phát sinh | Định mức(kg/người.ngày) | Khối lượng(kg/ngày) | Khối lượng(kg/lứa) |
| 1 | Hoạt động sinh hoạt hàng ngày của 08 công nhân làm việc tại trang trại chăn nuôi | 0,3 | 2,4 | 108 |

*b) Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh*

*Bảng 20: Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên chất thải | Trạng thái tồn tại(rắn/lỏng/bùn) | Khối lượng chất thải phát sinh | Mã chất thải |
| 1 | Phân gà trộn vỏ trấu lót chuồng | Rắn | 325,68 tấn/lứa | 14 01 12 |
| 2 | Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm*(Gà chết không do dịch bệnh)* | Rắn | 121,5 kg/lứa | 13 02 04 |
| 3 | Bao bì đựng thức ăn | Rắn | 184 kg/lứa | 18 01 06 |
|  | Tổng cộng: |  | 325,986 tấn/lứa |  |

*c) Khối lượng chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh*

*Bảng 21: Danh mục và khối lượng chất thải nguy hai phát sinh tại trang trại*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thành phần | Trạng thái tồn tại | Khối lượng (kg/năm) | Mã CTNH |
| 01 | Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại | Rắn | 35 | 14 02 02 |
| 02 | Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn) | Rắn | 10 | 13 02 01 |
| 03 | Hóa chất thải bao gồm hoặc có thành phần nguy hại | Rắn | 25 | 19 06 01 |
| 04 | Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | Rắn | 35 | 18 02 01 |
| 05 | Bóng đèn huỳnh quang thải | Rắn | 1 | 16 01 06 |
| 06 | Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải | Lỏng | 1 | 17 02 03 |
| 07 | Pin, ắc quy chì thải | Rắn | 1 | 19 06 01 |
| 08 | Gà chết do dịch bệnh | Rắn | Không xác định | 14 02 01 |
| Tổng cộng  |  | 108 |  |

### 4.2. Lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

### 4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

*- Thiết bị lưu chứa:*

+ Thùng rác dung tích 60 lít.

+ Số lượng: 6 thùng.

+ Vật liệu: Nhựa dẻo HDPE, có nắp đậy kín.

*- Khu vực lưu chứa*: bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.

*- Biện pháp xử lý:* Thu gom phân loại và chứa trong các thùng rác có nắp đậy. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

*- Tần suất thu gom:* 1 ngày/lần.

### 4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường (không nguy hại)

*a) Thiết bị lưu chứa:*

- Phân gà và trấu được ủ tại chổ trong chuồng nuôi. Sau khi xuất gà sẽ được thu gom, đóng bao loại 50 kg.

- Bao bì đựng thức ăn chăn nuôi được thu gom lưu giữ tạm thời trong kho chứa chất thải thông thường, tận dụng dùng để chứa phân gà lẫn trấu sau mỗi lứa nuôi hoặc bán cho đơn vị có nhu cầu. Các loại phế liệu được lưu trong khu vực chứa và bán cho đơn vị có nhu cầu.

- Đối với gà chết không do dịch bệnh được công nhân tại trại chăn nuôi thu gom hàng ngày và xử lý tại hố hủy xác gà chết bằng bê tông có diện tích 6m2, có nắp đậy kín.

*b) Khu vực tập kết*

Phân gà được ủ tại chổ (trong chuồng nuôi cùng với trấu), sau khi xuất gà, chủ dự án thu gom sạch sẽ, đóng bao bán cho các đơn vị có nhu cầu.

Các loại bao bì đựng thức ăn chăn nuôi, rác tái chế được đưa về khu vực tập kết phân loại bán cho đơn vị thu mua phế liệu tại địa phương; bao đựng thức ăn được tái sử dụng cho đựng phân gà tại dự án.

Gà chết không do dịch bệnh được thu gom đem chôn lấp hợp vệ sinh bằng hố chôn bê tông, kích thước 3,0m x 2,0m x 1,2m (thể tích 7,2m3), đảm bảo an toàn sinh học.

*c) Tần suất thu gom:* Hàng ngày đối với bao bì, gà chết; định kỳ sau mỗi lứa nuôi đối với phân và trấu.

### 4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

*a) Thiết bị lưu chứa*

Thiết bị lữu giữ phải có vỏ chống được sự ăn mòn, không bị gỉ, không phản ứng hóa học với CTNH chứa bên trong, kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707 – 2009, với kích thước ít nhất 30 cm mỗi chiều, được in rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu.

Bao bì lưu giữ sẽ được dán nhãn rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu. Nhãn bao gồm các thông tin sau: tên và mã chất thải nguy hại, ngày bắt đầu được đóng gói, dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707 – 2009, với kích thước 5 cm mỗi ngày.

*b) Khu vực lưu chứa trong nhà*

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 6 m2 được xây dựng tường gạch, nền xi măng có mái che, có cửa khóa, có phân ô hoặc bộ phận riêng cho từng loại CTNH hoặc nhóm CTNH có cùng tính chất để cách ly với các loại hoặc nhóm khác, tránh khả năng gây phản ứng hóa học với nhau bằng vách không cháy cao hơn chiều cao xếp CTNH. Trước cửa có biển cảnh báo “Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại”.

Trong từng ô hoặc bộ phận riêng có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo TCVN 6707 – 2009 về chất thải nguy hại – Dấu hiệu cảnh báo phòng ngừa với kích thước ít nhất 30cm mỗi chiều, vật liệu, mực của dấu hiệu và các dòng chữ không bị mờ hoặc phai màu.

*c) Tần suất thu gom:* 01 năm/lần, đơn vị có chức năng thu gom chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Tây Ninh hoặc vùng lân cận sẽ đến mang đi xử lý đúng quy định.

CHƯƠNG V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

## 1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Đối với công trình buồng xử lý khí thải sau dãy chuồng nuôi: Căn cứ theo Điểm c, Khoản 1, Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, quy định: *Công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm gồm: “c) Hệ thống thoát bụi, khí thải đối với các trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải, bao gồm cả hệ thống kiểm soát khí thải lò hơi sử dụng nhiên liệu là khí gas, dầu DO; hệ thống xử lý khí thải lò hỏa táng”.*

- Đối với công trình xử lý nước thải: Căn cứ theo Điểm d, Khoản 1, Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, quy định: *Công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm gồm: “d) Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ theo quy định tại**khoản 3 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường (bao gồm cả bể tự hoại, bể tách mỡ nước thải nhà ăn và các công trình, thiết bị hợp khối đáp ứng yêu cầu theo quy định)”.*

 Như vậy, công trình xử lý khí thải và nước thải của dự án không bắt buộc phải vận hành thử nghiệm.

**2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT**

**2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ**

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Chủ dự án sẽ thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ khi dự án đi vào hoạt động khai thác như sau:

*Bảng 22: Chương trình quan trắc môi trường định kỳ*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nội dung/Vị trí lấy mẫu | Thông số quan trắc/công trình giám sát | Tần suất | Tiêu chuẩn so sánh |
| *1. Giám sát chất lượng khí thải* |
| 01 điểm phía sau chuồng nuôi (buồng xử lý khí thải) | H2S, NH3, Tổng bụi lơ lửng (TSP) | 06 tháng/lần | QCVN 05:2023/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh. |
| *2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại* |
| Kiểm kê kho chứa chất thải tập trung của dự án: khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại. | Khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận từ loại chất thải | Thường xuyên, liên tục | Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 |

Trong quá trình thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ, chủ đầu tư sẽ phối hợp với đơn vị có chức năng quan trắc môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp chứng nhận đủ điều kiện hành nghề quan trắc.

**2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải**

- Dự án “Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín” không thuộc nhóm các dự án phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất thải.

**2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án**

- Không có hoạt động quan trắc nào khác

**3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM**

Chủ dự án sẽ bố trí kinh phí thực hiện quan trắc thành phần môi trường của dự án theo quy định, cụ thể như sau:

*Bảng 23: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của dự án*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chương trình giám sát | Vị trí | Tần suất lần/năm | Kinh phí thực hiện(VNĐ) | Tổ chức quản lý và vận hành |
| 1 | Giám sát khí thải | Buồng thu gom xử lý | 02 | 12.000.000 | Chủ đầu tư |
| 2 | Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại | Hệ thống, công trình thu gom, xử lý | Thường xuyên | 10.000.000 | Chủ đầu tư |
| Tổng cộng: |  |  | 22.000.000 |  |

CHƯƠNG VI

# CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Hộ chăn nuôi Nguyễn Khắc Dương là chủ đầu tư của dự án “Trại chăn nuôi gà thịt theo mô hình trại lạnh khép kín” cam kết:

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu đã nêu ở báo cáo này, đảm bảo các nguồn thải (khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại,...) phát sinh do hoạt động của dự án đều nằm trong giới hạn cho phép của các Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Việt Nam như:

+ Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải theo QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

+ Độ ồn: Đảm bảo độ ồn sinh ra từ quá trình hoạt động của dự án đạt Quy chuẩn giới hạn tối đa cho phép tiếng ồn khu vực công cộng và dân cư (theo mức âm tương đương, QCVN 26:2010/BTNMT).

+ Quản lý nội quy trang trại theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ Y tế ngày 10/10/2002 về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

+ QCVN 01-15:2010/BNNPTNT, ngày 15/01/2010 – Quy chuẩn quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi gà an toàn sinh học.

+ QCVN 01 – 41:2011/BNNPTNT ngày 06/5/2011 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

+ Nước thải chăn nuôi đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

+ Nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14-2008/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường sẽ được quản lý chặt chẽ, thu gom và hợp đồng xử lý triệt để. Đối với các loại chất thải nguy hại đảm bảo thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý theo đúng Quy chế quản lý chất thải nguy hại của Chính phủ.

- Thực hiện nghiêm túc những nội dung chủ đầu tư đã cam kết với Chính quyền địa phương nơi thực hiện dự án.

- Thực hiện nghiêm túc chương trình quan trắc môi trường hàng năm.

- Trường hợp các sự cố môi trường, rủi ro môi trường xảy ra trong quá trình triển khai dự án, chủ đầu tư cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường.

- Công khai thông tin, lưu giữ, cập nhật số liệu môi trường và báo cáo về việc thực hiện nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã được phê duyệt của dự án.

Chủ đầu tư xin cam kết các điều khoản đã ghi trên đây và chịu trách nhiệm trước pháp luật Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nếu để xảy ra vi phạm các Công ước Quốc tế, các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn Việt Nam hoặc để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường./.

# PHỤ LỤC